



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Cà Mau

Số 203

Ngày 24 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

VĂN BẢN KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

21-12-2025

Quyết định số 02191/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn Quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030

Trang

2

(Đăng từ Công báo điện tử số 203 đến số 205 ngày 24 tháng 12 năm 2025)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02191/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 21 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
Vườn Quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Luật Du lịch năm 2017;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024);

Căn cứ Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững đối với rừng đặc dụng Vườn Quốc gia U Minh Hạ, giai đoạn 2021-2030;

Xét Báo cáo kết quả thẩm định số 1010/BC-SNNMT ngày 12/12/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thẩm định Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn Quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Vườn Quốc gia U Minh Hạ tại Tờ trình số 39/TTr-VQG ngày 01/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn Quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030 (kèm theo Đề án), với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đề án: Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn Quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030.

2. Tên chủ rừng: Vườn Quốc gia U Minh Hạ.

3. Địa chỉ: Ấp Vô Dơi, xã Đá Bạc, tỉnh Cà Mau.

4. Mục tiêu:

Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí ở Vườn Quốc gia U Minh Hạ bền vững gắn với bảo tồn, phát triển hệ sinh thái rừng tràm và đa dạng sinh học

của vùng đất U Minh Hạ; bảo vệ cảnh quan, môi trường; đảm bảo hài hòa giữa khai thác, phát triển du lịch với bảo vệ giá trị tài nguyên thiên nhiên, cụ thể:

- Đánh giá hiện trạng tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa, danh thắng, di tích lịch sử để phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch phù hợp trong lâm phần Vườn Quốc gia U Minh Hạ.

- Định hướng lập các dự án đầu tư du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, lịch sử; lập danh mục dự án ưu tiên đầu tư, xác định lộ trình đầu tư các dự án và giải pháp thu hút vốn đầu tư để thực hiện đề án.

- Xây dựng các tuyến, các điểm du lịch sinh thái, lịch sử phù hợp với tiềm năng sẵn có; đa dạng hóa các sản phẩm du lịch và các tuyến, điểm du lịch; xây dựng các công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu du khách; lập phương án, giải pháp quảng bá du lịch, phát triển nguồn nhân lực và đầu tư hạ tầng du lịch.

- Đảm bảo việc khai thác tài nguyên cho phát triển du lịch sinh thái theo phương thức chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; phát triển theo chiều sâu, chất lượng, hiệu quả, bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, bảo vệ môi trường, khẳng định thương hiệu và khả năng cạnh tranh.

- Tạo sinh kế thông qua việc khai thác các cơ hội từ hoạt động du lịch sinh thái cho cư dân địa phương; tạo điều kiện để cộng đồng địa phương tham gia các loại hình du lịch, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần; nâng cao ý thức quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

5. Nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí:

Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về lâm nghiệp, đất đai, xây dựng và quy định pháp luật có liên quan; phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành và phương án quản lý rừng bền vững đối với rừng đặc dụng; không làm thay đổi quyền sở hữu của Nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất; không làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử - văn hóa; thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo tồn thiên nhiên, môi trường, đa dạng sinh học trên diện tích tổ chức các hoạt động du lịch.

6. Địa điểm, diện tích tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí:

6.1. Tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí:

- Tại 02 Phân khu dịch vụ hành chính và Phân khu phục hồi sinh thái, có tổng diện tích 1.318,5 ha (trong đó, có rừng 1.150,09 ha; không có rừng 168,41 ha), gồm 06 khu chức năng (cụ thể theo Bảng 9 của Đề án).

- Vị trí, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của công trình, phương thức tổ chức thực hiện của từng khu chức năng (cụ thể theo Bảng 12, Bảng 15 và Bảng 16 của Đề án).

6.2. Phát triển các tuyến du lịch:

- Tuyến số 1: Chiều dài 10 km kết nối 04 khu chức năng gồm 1, 2, 3 và khu 4.

- Tuyến số 2: Chiều dài khoảng 20 km kết nối với 06 khu chức năng.
- Tuyến số 3: Chiều dài 20 km kết nối với 06 khu chức năng.
- Tuyến số 4: Chiều dài 15 km kết nối với 05 khu chức năng gồm: khu 1, 2, 3, 4 và khu 6.
- Tuyến số 5: Chiều dài 20 km kết nối với 06 khu chức năng.
- Tuyến số 6: Chiều dài khoảng 20 km kết nối 06 khu chức năng.

Vị trí, quy mô, diện tích, chiều dài, hiện trạng, mục đích, thời gian và phương thức tổ chức thực hiện (*cụ thể theo Bảng 18 của Đề án*).

6.3. Phát triển các tuyến kết nối với các khu du lịch lân cận như: Khu du lịch Hòn Đá Bạc, Khu du lịch sinh thái Sông Trẹm, các hộ du lịch cộng đồng và kết nối các khu, điểm du lịch khác trong và ngoài tỉnh.

7. Thời gian, phương thức tổ chức thực hiện:

- Thời gian thực hiện: đến năm 2030.
- Phương thức tổ chức thực hiện: Vườn Quốc gia U Minh Hạ tự tổ chức thực hiện; hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng theo quy định tại khoản 4 Điều 53 Luật Lâm nghiệp.

8. Vốn đầu tư và nguồn vốn:

Khái toán tổng nhu cầu kinh phí thực hiện : 1.458.959 triệu đồng.

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước : 5.200 triệu đồng.
- Xã hội hóa đầu tư : 1.453.759 triệu đồng.

9. Các giải pháp thực hiện Đề án:

9.1. Giải pháp về vốn, nguồn lực đầu tư:

- Tập trung nguồn vốn ngân sách đầu tư, để kích thích xã hội hoá đầu tư du lịch; trước mắt, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch như: hệ thống đường giao thông, cấp, thoát nước, điện, thông tin liên lạc,...kêu gọi vốn xã hội hóa cùng thực hiện nâng cấp hạ tầng, kỹ thuật.

- Thông báo công khai việc lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác, liên kết, thuê môi trường rừng kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí và xây dựng hồ sơ kỹ thuật để lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác, liên kết, thuê môi trường rừng theo quy định, nhằm tối ưu hóa các nguồn lực đầu tư, đảm bảo hiệu quả, đạt mục tiêu chung của đề án.

- Kêu gọi vốn xã hội hoá, vốn vay ưu đãi từ các quỹ đầu tư và nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư phát triển du lịch, tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, dịch vụ hỗ trợ đầu tư để các thành phần kinh tế tham gia.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào các khu vui chơi, nghỉ dưỡng và ăn uống; ưu tiên các dự án có quy mô lớn, kinh doanh những sản phẩm, loại hình du lịch mới, hấp dẫn, đòi hỏi có trình độ quản lý và chuyên môn sâu.

9.2. Giải pháp về xúc tiến, quảng bá và phát triển thị trường du lịch:

Khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, xây dựng thương hiệu, kế hoạch xúc tiến, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm du lịch tại Vườn Quốc gia U Minh Hạ theo hướng trọng tâm, trọng điểm, thông qua các loại hình như: quảng bá trên trang thông tin của Vườn Quốc gia U Minh Hạ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, báo chí, truyền hình địa phương, các diễn đàn du lịch, mạng xã hội; đồng thời, liên kết, phối hợp với các công ty du lịch, công ty lữ hành trong và ngoài tỉnh tạo thêm các tour, tuyến du lịch kết nối với Vườn Quốc gia U Minh Hạ.

9.3. Giải pháp bảo vệ môi trường du lịch:

Xây dựng kế hoạch hành động bảo vệ môi trường; đảm bảo các dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thực hiện đánh giá các yếu tố tác động môi trường theo quy định; kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng công trình du lịch nhằm hạn chế ảnh hưởng đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên để phát triển du lịch bền vững.

9.4. Giải pháp về bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học:

- Xây dựng nội quy, quy chế, phổ biến đến tổ chức, cá nhân, du khách thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; nghiêm cấm các hành vi xâm hại đến hệ sinh thái rừng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các quy định của nhà nước về quản lý bảo vệ rừng, về du lịch sinh thái đến viên chức, người lao động, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển du lịch sinh thái.

- Kiện toàn các đội quản lý, tổ tuần tra rừng để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và phục hồi tài nguyên rừng; đầu tư xây dựng hạ tầng; đầu tư trồng rừng mới, bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái rừng tự nhiên; thiết lập các đường băng xanh cản lửa bằng giải pháp trồng các loài cây bản địa; phục hồi rừng trên đất than bùn, góp phần nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

- Thực hiện điều tra, nghiên cứu cơ bản khu hệ động, thực vật để đánh giá mức độ đa dạng sinh học, chú trọng đến các loài quan trọng có tính chất chỉ thị, các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng theo Sách đỏ Việt Nam, Sách đỏ thế giới; xây dựng chương trình điều tra, giám sát cụ thể, đảm bảo cung cấp số liệu cập nhật cho công tác quản lý và bảo tồn loài; hợp tác với tổ chức trong, ngoài nước để nghiên cứu khoa học, quản lý bền vững hệ sinh thái rừng; nghiên cứu giải pháp hạn chế sự phát triển của một số loài động vật có tác động bất lợi đến sự phát triển, môi trường sống của các loài khác, đảm bảo cân bằng sinh thái.

- Đào tạo nguồn nhân lực, ưu tiên tuyển dụng những cán bộ qua đào tạo, có năng lực, kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, công tác quản lý du lịch; khuyến khích viên chức, người lao động học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu quản lý.

9.5. Giải pháp phòng cháy, chữa cháy rừng:

- Xây dựng, trình thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng hàng năm đúng quy định, theo phương châm “04 tại chỗ”; kịp

thời đầu tư mua sắm, sửa chữa các trang thiết bị, phương tiện và tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức trực phòng cháy, chữa cháy rừng 24/24 vào những tháng cao điểm mùa khô.

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy rừng cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư, du khách, đơn vị tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch.

- Giám sát tổ chức, cá nhân liên kết, hợp tác hoặc thuê môi trường thực hiện đầy đủ các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng trên diện tích được thuê môi trường rừng.

10. Tổ chức giám sát:

Trên cơ sở các tiêu chí giám sát, gồm: bảo vệ, phát triển rừng; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường; số lượng khách du lịch... Vườn Quốc gia U Minh Hạ có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ việc tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, nhằm phát hiện, cảnh báo và đề ra các biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời, không để xảy ra các hoạt động vi phạm quy định, đảm bảo các hoạt động trong khu rừng đặc dụng phù hợp với những yêu cầu đặt ra trên tất cả các mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

Vườn Quốc gia U Minh Hạ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội giám sát các hoạt động đầu tư xây dựng và kinh doanh du lịch theo đúng quy hoạch xây dựng, quy mô, tỷ lệ diện tích được phép xây dựng; Đề án được phê duyệt; quy định pháp luật về lâm nghiệp, xây dựng, đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Vườn Quốc gia U Minh Hạ:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã Đá Bạc, Khánh Lâm, Khánh An và các đơn vị có liên quan tổ chức công bố Đề án; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án, xúc tiến mời gọi đầu tư; lập các quy hoạch, dự án đầu tư, trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, làm cơ sở để tổ chức thực hiện.

- Thông báo công khai về lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác, liên kết, thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và xây dựng hồ sơ kỹ thuật để lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác, liên kết, thuê môi trường rừng; phối hợp với các tổ chức, cá nhân lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

- Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án và báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng và năm, gửi các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp nguồn kinh phí thực hiện Đề án, gửi các cơ quan chuyên môn theo quy định Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan chủ động hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Vườn Quốc gia U Minh Hạ thực hiện Đề án, các dự án đầu tư du lịch sinh thái, nghỉ

dưỡng, giải trí, triển khai thực hiện nội dung liên quan đến công tác quản lý đất đai, bảo vệ môi trường và hướng dẫn nhà đầu tư lập thủ tục môi trường đảm bảo đúng quy định pháp luật.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công và quy định pháp luật có liên quan; hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư, phát triển du lịch theo quy định pháp luật.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan hướng dẫn chủ rừng, các nhà đầu tư và cộng đồng về các hoạt động du lịch; quản lý, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển du lịch theo quy hoạch xây dựng của các khu du lịch; hướng dẫn, hỗ trợ công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch; hỗ trợ Vườn Quốc gia U Minh Hạ quảng bá, xúc tiến đầu tư.

5. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan hướng dẫn Vườn Quốc gia U Minh Hạ thực hiện quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và các hoạt động khác có liên quan đến lĩnh vực xây dựng các dự án trong phạm vi Đề án; quản lý hoạt động xây dựng, dự án đầu tư xây dựng theo phân công, phân cấp quản lý, đúng quy định.

6. Ủy ban nhân dân xã: Đá Bạc, Khánh Lâm và Khánh An phối hợp với Vườn Quốc gia U Minh Hạ, các sở, ngành, đơn vị có liên quan tuyên truyền nâng cao ý thức của cộng đồng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường và phát triển du lịch sinh thái; hỗ trợ mời gọi, thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch sinh thái, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư, doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Vườn Quốc gia U Minh Hạ; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Đá Bạc, Khánh Lâm, Khánh An căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Sử

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
VƯỜN QUỐC GIA U MINH HẠ**

----o0o----



**ĐỀ ÁN
DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ
VƯỜN QUỐC GIA U MINH HẠ ĐẾN NĂM 2030
(ĐIỀU CHỈNH)**



Cà Mau, năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ
VƯỜN QUỐC GIA U MINH HẠ ĐẾN NĂM 2030
(ĐIỀU CHỈNH)

Cà Mau, năm 2025

MỤC LỤC

Danh mục từ viết tắt	viii
Danh mục hình	ix
Danh mục bảng.....	x
Danh mục phụ biểu	xi
Danh mục bản đồ.....	xii
TÓM TẮT ĐỀ ÁN.....	1
1. Nhu cầu tổ chức phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	1
2. Các mục tiêu phát triển chính và các dự án ưu tiên	3
3. Tổng mức đầu tư	4
4. Các giải pháp chính để triển khai, thực hiện đề án	5
4.1. Các giải pháp bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học.....	5
4.2. Giải pháp về nâng cao nhận thức cộng đồng, nâng cao tri thức cho du khách	6
4.3. Giải pháp về quản lý, quy hoạch và phát triển du lịch sinh thái.....	7
4.3.1. Quản lý, quy hoạch các khu chức năng	7
4.3.2. Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch.....	9
4.3.2.1. Du lịch nghiên cứu	9
4.3.2.2. Du lịch tham quan.....	9
4.3.2.3. Du lịch văn hóa	9
4.3.2.4. Du lịch giải trí.....	9
4.3.2.5. Du lịch sinh thái	9
4.3.2.6. Du lịch khám phá	9
4.3.2.7. Du lịch ẩm thực.....	10
4.4. Giải pháp về liên kết, quảng bá và tiếp thị	10
4.5. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	11
4.5.1. Đào tạo nguồn nhân lực tại các đơn vị hoạt động du lịch	11
4.5.2. Phát triển nguồn nhân lực tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch	11
4.6. Giải pháp về đầu tư và cơ chế tài chính phục vụ phát triển du lịch gắn với phát triển bền vững	12
4.6.1. Lĩnh vực đầu tư	12
4.6.2. Giải pháp về vốn	12
MỞ ĐẦU	13

1. Sự cần thiết.....	13
2. Nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.....	17
CHƯƠNG 1: ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI VƯỜN QUỐC GIA U MINH HẠ	20
1.1. Điều kiện tự nhiên và tiềm năng du lịch tự nhiên	20
1.1.1. Vị trí địa lý, ranh giới và diện tích.....	20
1.1.2. Địa hình, địa chất và thổ nhưỡng	22
1.1.3. Khí hậu và mùa vụ du lịch.....	23
1.1.3.1. Khí hậu	23
1.1.3.2. Mùa vụ du lịch	23
1.1.4. Thủy văn	24
1.1.5. Hiện trạng sử dụng đất	24
1.1.5.1. Hiện trạng sử dụng đất của Vườn quốc gia U Minh Hạ	24
1.1.5.2. Phân tích đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất.....	25
1.1.6. Diện tích rừng	25
1.1.6.1. Tổng diện tích rừng và diện tích chưa có rừng quy hoạch cho Lâm nghiệp	25
a) Hiện trạng rừng phân theo nguồn gốc hình thành	25
b) Hiện trạng rừng theo các phân khu chức năng, kiểu rừng	26
1.1.6.2. Hiện trạng phân bố lâm sản ngoài gỗ	28
1.1.6.3. Hiện trạng các phân khu sử dụng cho mục đích tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí	28
1.1.7. Đa dạng sinh học	28
1.1.8. Cảnh quan thiên nhiên	31
1.2. Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên du lịch và các loại sản phẩm du lịch	33
1.2.1. Dân sinh.....	33
1.2.1.1. Dân số	33
1.2.1.2. Dân tộc	33
1.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội	34
1.2.2.1. Lao động	34
1.2.2.2. Văn hoá, giáo dục	34
1.2.2.3. Tỷ lệ nghèo	34
1.2.2.4. Phát triển cơ sở hạ tầng	35
1.2.2.5. Kinh tế	35
1.2.2.6. Xã hội	35

1.2.3. <i>Tiềm năng du lịch văn hóa</i>	37
1.3. Giao thông	38
1.3.1. <i>Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực</i>	38
1.3.2. <i>Hệ thống giao thông đường thủy</i>	38
1.4. Hiện trạng hoạt động du lịch	39
1.4.1. <i>Hiện trạng về công tác tổ chức quản lý và nguồn nhân lực</i>	39
1.4.2. <i>Hiện trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch</i>	40
1.4.3. <i>Hiện trạng loại hình và sản phẩm du lịch</i>	41
1.4.4. <i>Hiện trạng về công tác tổ chức quản lý và nguồn nhân lực</i>	41
1.4.5. <i>Đầu tư du lịch</i>	42
1.4.6. <i>Các bên liên quan và hợp tác trong phát triển du lịch</i>	42
1.4.7. <i>Hiện trạng hoạt động xúc tiến, quảng bá</i>	42
1.4.8. <i>Hiện trạng sự tham gia của cộng đồng</i>	42
1.4.9. <i>Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường du lịch</i>	43
1.4.10. <i>Hiện trạng hoạt động diễn giải thông qua du lịch</i>	43
1.4.11. <i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>	43
1.4.12. <i>Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (phân tích SWOT)</i>	43
1.4.12.1. <i>Điểm mạnh</i>	43
1.4.12.2. <i>Điểm yếu</i>	44
1.4.12.3. <i>Cơ hội</i>	44
1.4.12.4. <i>Thách thức</i>	45
CHƯƠNG 2: NỘI DUNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ VƯỜN QUỐC GIA U MINH HẠ ĐẾN NĂM 2030	47
2.1. Căn cứ xây dựng đề án	47
2.1.1. <i>Căn cứ pháp lý</i>	47
2.1.2. <i>Cơ sở khoa học và thực tiễn</i>	52
2.2. Định hướng phát triển	55
2.2.1. <i>Định hướng chức năng</i>	56
2.2.2. <i>Định hướng hoạt động</i>	57
2.2.3. <i>Định hướng các sản phẩm du lịch</i>	59
2.2.3.1. <i>Du lịch nghiên cứu</i>	59
2.2.3.2. <i>Du lịch tham quan</i>	59
2.2.3.3. <i>Du lịch văn hóa</i>	59
2.2.3.4. <i>Du lịch giải trí</i>	59
2.2.3.5. <i>Du lịch sinh thái</i>	59

2.2.3.6. <i>Du lịch khám phá</i>	59
2.2.3.7. <i>Du lịch ẩm thực</i>	59
2.2.4. Định hướng xây dựng hạ tầng du lịch	60
2.2.4.1. <i>Định hướng diện tích xây dựng hạ tầng</i>	60
2.2.4.2. <i>Cơ sở hạ tầng kỹ thuật</i>	64
2.3. Mục tiêu và các chỉ tiêu phát triển	65
2.3.1. <i>Mục tiêu</i>	65
2.3.2. <i>Các chỉ tiêu phát triển</i>	65
2.4. Đánh giá các yếu tố tác động đến phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí đến năm 2030	67
2.4.1. <i>Từ chính sách</i>	67
2.4.2. <i>Từ các cộng đồng và các công ty du lịch</i>	69
2.4.3. <i>Từ nội tại Vườn quốc gia U Minh Hạ</i>	69
2.4.4. <i>Từ các yếu tố vị trí địa lý, khí hậu, môi trường</i>	70
2.5. Nội dung phát triển điểm, các khu trong điểm và tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí đến năm 2030	70
2.5.1. <i>Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các khu trong điểm du lịch</i>	70
2.5.1.1. <i>Nguyên tắc, tiêu chí chung về việc lựa chọn các khu trong điểm du lịch</i>	70
a) <i>Nguyên tắc</i>	70
b) <i>Tiêu chí</i>	71
2.5.1.2. <i>Thuyết minh chi tiết các khu trong điểm du lịch được ưu tiên phát triển</i>	72
a) <i>Vị trí, quy mô, diện tích</i>	72
b) <i>Vật liệu</i>	73
c) <i>Chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của công trình</i>	74
2.5.2. <i>Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các tuyến du lịch</i> ..	89
2.5.2.1. <i>Nguyên tắc, tiêu chí chung về việc chọn các tuyến du lịch</i>	89
a) <i>Nguyên tắc</i>	89
b) <i>tiêu chí</i>	89
2.5.2.2. <i>Thuyết minh chi tiết các tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030</i>	90
2.5.3. <i>Phương thức tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí</i>	100
2.5.3.1. <i>Tự tổ chức khai thác dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí</i> ..	100

2.5.3.2. Cho doanh nghiệp thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	101
2.5.3.3. Liên kết để tổ chức dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	102
2.5.4. Đánh giá sơ bộ về tác động môi trường khi các hạng mục công trình xây dựng được đề xuất trong đề án	102
2.6. Đề xuất các danh mục dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện	104
2.6.1. Khái toán đầu tư, nguồn vốn, phân kỳ đầu tư (đến năm 2030) và phương án huy động vốn	104
2.6.2. Các dự án ưu tiên	105
2.6.2.1. Tiêu chí lựa chọn các dự án ưu tiên đầu tư	105
2.6.2.2. Các dự án ưu tiên đầu tư	106
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ TRONG VƯỜN QUỐC GIA U MINH HẠ.....	108
3.1. Nhóm giải pháp bảo vệ môi trường du lịch, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	108
3.1.1. Giải pháp về bảo vệ môi trường du lịch	108
3.1.2. Giải pháp về bảo vệ phát triển rừng	110
3.1.2.1. Bảo vệ rừng	110
3.1.2.2. Phát triển rừng	111
3.1.2.3. Phòng cháy chữa cháy rừng	112
3.1.3. Giải pháp về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	112
3.2. Nhóm các giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý	113
3.2.1. Giải pháp về cơ chế chính sách	113
3.2.1.1. Giải pháp về trình tự, thủ tục cho thuê môi trường rừng	113
3.2.1.2. Giải pháp về xác định giá cho thuê môi trường rừng	113
3.2.1.3. Giải pháp về thủ tục thẩm định dự án DLST	114
3.2.2. Giải pháp về quản lý	114
3.2.2.1. Đối với Vườn quốc gia U Minh Hạ	114
3.2.2.2. Đối với nhà đầu tư thuê môi trường rừng	115
3.3. Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực	116
3.3.1. Đào tạo nguồn nhân lực tại các đơn vị hoạt động du lịch	116
3.3.2. Phát triển nguồn nhân lực tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch	117
3.4. Nhóm giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch	117
3.4.1. Huy động các nguồn đầu tư xã hội hóa đến năm 2030	117

3.4.2. <i>Nâng cấp, cải tạo, sử dụng hợp lý các công trình hiện có</i>	118
3.4.3. <i>Ứng dụng khoa học kỹ thuật</i>	118
3.5. Nhóm giải pháp phát triển loại hình, sản phẩm du lịch	119
3.6. Nhóm giải pháp đầu tư du lịch	119
3.6.1. <i>Lĩnh vực đầu tư</i>	119
3.6.2. <i>Giải pháp về vốn</i>	120
3.7. Nhóm giải pháp liên kết phát triển du lịch	120
3.8. Nhóm giải pháp xúc tiến quảng bá và phát triển thị trường du lịch ...	121
3.9. Nhóm giải pháp phát triển cộng đồng và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa	122
3.10. Nhóm giải pháp về diễn giải, giáo dục	123
3.11. Nhóm giải pháp về an ninh, an toàn trong tổ chức hoạt động du lịch	123
3.12. Nhóm giải pháp chuyển đổi số hướng đến du lịch thông minh	123
CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN, QUẢN LÝ GIÁM SÁT VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN	125
4.1. Tổ chức thực hiện	125
4.1.1. <i>Cơ quan cấp trên trực tiếp</i>	125
4.1.2. <i>Vườn quốc gia U Minh Hạ</i>	125
4.1.3. <i>Các cơ quan ban, ngành địa phương liên quan</i>	126
4.1.3.1. <i>Sở Nông nghiệp và Môi trường</i>	126
4.1.3.2. <i>Sở Tài chính</i>	126
4.1.3.3. <i>Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch</i>	126
4.1.3.4. <i>Sở Xây dựng</i>	126
4.1.3.5. <i>Ngân hàng và quỹ tín dụng</i>	127
4.1.3.9. <i>Ủy ban nhân dân xã Đá Bạc, xã Khánh An</i>	127
4.1.4. <i>Trách nhiệm của cộng đồng địa phương</i>	127
4.1.5. <i>Trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng</i>	127
4.2. Tổ chức đánh giá, giám sát	127
4.2.1. <i>Các hoạt động giám sát nhằm phát triển du lịch an toàn, bền vững, đảm bảo quốc phòng an ninh</i>	127
4.2.2. <i>Nội dung giám sát</i>	128
4.2.3. <i>Cách thức tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí</i>	128
4.2.3.1. <i>Tổ chức giám sát các bên liên quan</i>	128
4.2.3.2. <i>Phương thức giám sát</i>	129

a) Giám sát tình trạng rừng trong khu vực thuê môi trường rừng ..	129
b) Giám sát việc thực hiện Hợp đồng thuê môi trường rừng	129
4.3. Hiệu quả của Đề án	130
<i>4.3.1. Hiệu quả kinh tế</i>	<i>130</i>
<i>4.3.2. Hiệu quả về văn hóa xã hội</i>	<i>131</i>
<i>4.3.3. Hiệu quả bảo vệ môi trường</i>	<i>131</i>
<i>4.3.4. Hiệu quả an ninh quốc phòng</i>	<i>131</i>
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	132
Các phụ biểu: từ trang 133 đến trang 152	

DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BTTN	Bảo tồn thiên nhiên
BV&PTR	Bảo vệ và phát triển rừng
BVNN	Bảo vệ nghiêm ngặt
QLBVR	Quản lý bảo vệ rừng
ĐDSH	Đa dạng sinh học
DLST	Du lịch sinh thái
ĐNN	Đất ngập nước
DVHC	Dịch vụ - Hành Chính
DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
IUCN	International Union for Conservation of Nature and Natural Resources. Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên
NN&PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
PCCCR	Phòng cháy chữa cháy rừng
PHST	Phục hồi sinh thái
PKCN	Phân khu chức năng
SĐVN	Sách đỏ Việt Nam
UBND	Ủy ban nhân dân
VQG	Vườn Quốc gia
UMH	U Minh Hạ

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Bản đồ hiển thị hướng tiếp cận vào Vườn quốc gia U Minh Hạ	22
Hình 2. Bản đồ đất trống, trảng cỏ, cây bụi không khả năng thành rừng tại TK 5, TK 6, K3; 6-TK 76 và TK 77.....	28
Hình 3. Một số hình ảnh cảnh vật thiên nhiên trong VQG	32
Hình 4. Bản đồ quy hoạch Du lịch sinh thái VQG U Minh Hạ đến năm 2030.....	57

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất Vườn quốc gia U Minh Hạ	24
Bảng 2. Hiện trạng tài nguyên rừng tại Vườn quốc gia U Minh Hạ	26
Bảng 3. Số liệu đo đếm các OTC trên các dạng lập địa	27
Bảng 4. Dân số và mật độ dân số vùng đệm.....	33
Bảng 5. Diện tích, dân số các xã tiếp giáp Vườn quốc gia U Minh Hạ	33
Bảng 6. Hệ thống giao thông đường bộ Vườn quốc gia U Minh Hạ	38
Bảng 7. Các điểm, tuyến và chương trình du lịch	41
Bảng 8. Thống kê lượt khách, doanh thu DLST Vườn quốc gia U Minh Hạ	43
Bảng 9. Khu vực, vị trí quy hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030	58
Bảng 10. Vị trí, địa điểm, diện tích dự kiến xây dựng hạ tầng.....	60
Bảng 11. Hạng mục cơ sở hạ tầng kỹ thuật	64
Bảng 12. Thuyết minh chi tiết Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng tại Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030.....	74
Bảng 13. Quy hoạch Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030 theo hiện trạng rừng	79
Bảng 14. Thuyết minh các Khu du lịch trong Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030	80
Bảng 15. Quy hoạch các khu trong Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030 theo hiện trạng rừng	81
Bảng 16. Dự kiến công trình xây dựng phục vụ cho hoạt động DLST, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030 tại các Khu du lịch.....	84
Bảng 17. Thuyết minh tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030	93
Bảng 18. Quy hoạch các tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030	98
Bảng 19. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện đến năm 2030	106
Bảng 20. Các tiêu chuẩn về LAC trong du lịch sinh thái	109

PHỤ BIỂU

Biểu 01. Diện tích đất trống trong lâm phần Vườn quốc gia U Minh Hạ phân theo xã	133
Biểu 02. Diện tích đất trống, cây bụi không có khả năng phục hồi thành rừng trong phân khu dịch vụ hành chính	134
Biểu 03. Khái toán danh mục các dự án đầu tư	135
Biểu 04. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện đến năm 2030.	139
Biểu 05. Dự kiến nguồn vốn đầu tư đến năm 2030	141
Biểu 06. Dự kiến công trình xây dựng phục vụ cho hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030 tại các Khu du lịch	142
Biểu 07. Quy hoạch Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030 theo hiện trạng rừng	147
Biểu 08. Quy hoạch các khu trong Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030 theo hiện trạng rừng	148
Biểu 09. Quy hoạch các tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030	151

DANH MỤC BẢN ĐỒ

1. Bản đồ hiện trạng quản lý rừng và đất rừng Vườn quốc gia U Minh Hạ;
2. Bản đồ phân khu chức năng Vườn quốc gia U Minh Hạ giai đoạn 2021-2030;
3. Bản đồ đất trồng, trồng cỏ, cây bụi không khả năng phục hồi rừng;
4. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030;
5. Bản đồ quy hoạch du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030;
6. Bản vẽ tổng thể mặt bằng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của khu rừng đặc;
7. Bản đồ quy hoạch tổng thể điểm, khu, tuyến du lịch sinh thái tại tiểu khu 5 và tiểu khu 6;
8. Bản đồ quy hoạch tổng thể điểm, khu, tuyến du lịch sinh thái tại tiểu khu 70; 73; 76 và 77.
9. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật; Bản đồ quy hoạch du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ tại tiểu khu 5 và tiểu khu 6; Tiểu khu 76 và Tiểu khu 77.
10. Bản đồ tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan;
11. Bản đồ quy hoạch giao thông;
12. Bản đồ quy hoạch, cấp nước, thoát nước thải môi trường;
13. Bản đồ quy hoạch cung cấp năng lượng và chiếu sáng;
14. Bản đồ quy hoạch hạ tầng viễn thông.

TÓM TẮT ĐỀ ÁN

1. Nhu cầu tổ chức phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí

Vườn quốc gia U Minh Hạ tại tỉnh Cà Mau được thành lập theo Quyết định 112/QĐ-TTg ngày 20/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Chuyển Khu Bảo tồn thiên nhiên Vồ Dơi thành Vườn quốc gia U Minh Hạ và Quyết định 1024/QĐ-TTg ngày 07/06/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích Vườn quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau với tổng diện tích 8.527,8 ha nằm trong hệ thống 34 Vườn quốc gia của toàn quốc và đã được tổ chức UNESCO công nhận là một trong ba vùng lõi Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Mũi Cà Mau. Đồng thời trong Vườn quốc gia U Minh Hạ quản lý còn khoảng 1.761 ha là rừng nguyên sinh, đây là diện tích rừng nguyên sinh duy nhất còn lại của tỉnh Cà Mau, với khoảng 176 loài cây cỏ tự nhiên. Thành phần loài trong rừng tràm chủ yếu là: Cây gõ như: Tràm (*Melaleuca cajuputii*), Bù (*Ilex cmosa*), Trâm Khế (*Syzygium lineatum*), Móp (*Alstonia spathulata*), Trâm Rộng (*Syzygium oblata*), cây bụi như: Mua Láng (*Melastoma affine*), Mật Cật Gai (*Licuala spinosa*), Bồng Bong (*Lygodium japonicum*), Dầu Dầu Ba Lá (*Evodia lepta*); thảm tươi Sậy (*Phragmites vallatoria*), Nặng (*Eleocharis dulcis*), dây Choại (*Stenochlaena palustris*), Dón (*Blechnum orientale*), Mây Nước (*Flagellaria indica*), nhiều loài dương xỉ, tảo... Đây thực sự là một bảo tàng sinh thái sống về các loài thực vật thuộc hệ sinh thái rừng ngập của khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung. Về động vật rừng ở đây gồm:

(1) Thú có 23 loài, các loài thường gặp như: Heo Rừng (*Sus scrofa*), Nai (*Cervus unicolor*), Khỉ Đuôi Dài (*Macaca fascicularis*), Cây Hương (*Viverricula indica*), Dơi Quạ (*Pteropus lylei*), Cây Vòi Hương (*Paradoxurus hermaphroditus*), Mèo Rừng (*Prionailurus (Felis) bengalensis*), Mèo Cá (*Prionailurus (Felis) viverrinus*), Rái Cá Lông Mũi (*Lutra sumatrana*)...

(2) Chim có 91 loài, các loài quý hiếm như: Già Đầy Java (*Leptoptilos javanicus*), Diêng Diên (*Anhinga melanogaster*), Diệc Lửa (*Ardea purpurea*), Diệc Xám (*Ardea cinerea*), Cò Trắng (*Egretta garzetta*), Còng Cọc (*Phalacrocorax niger*)...

(3) Lưỡng cư, bò sát có: 47 loài, trong đó phải kể đến như: Rắn Hổ Đất (*Naja naja*), Rắn Hổ Mang Chúa (*Ophiophagus hannah*), Rắn Cạp Nong (*Bungarus fasciatus*), Trăn Gấm (*Python reticulatus*), Kỳ Đà Nước (*Varanus salvator*), Rùa Ba Gờ (*Malayemys subtrijuga*), Rùa Răng (*Heosemys annandalii*), Rùa Hộp Lưng Đen (*Cuora amboinensis*)...

(4) Lưỡng thê và nhiều loài côn trùng khác.

(5) Ngoài ra, trên lâm phần có hơn 136,2 km kênh mương với tổng diện tích mặt nước hơn 1.000.000m² (chưa kể diện tích của các thảm cỏ ngập nước

theo mùa) đây thực sự là thiên đường cho các loài cá nước ngọt sinh sống và phát triển.

Với tiềm năng và thế mạnh như trên, có thể nói: Vườn quốc gia U Minh Hạ là một trong những điểm du lịch sinh thái hấp dẫn đối với du khách. Đặc biệt vào mùa khai thác cá, du khách dễ dàng bắt gặp một số loài cá có giá trị khoa học và kinh tế như: Cá Lóc (*Ophicephalus striatus*), Sặc Rằn (*Trichogaster pectoralis*), Sặc Bướm (*Trichopsis trichopterus*), Trê Vàng (*Clarias macrocephalus*), Rô Đồng (*Anabas testudineus*), Thát Lát (*Notopterus notopterus*), ... Hệ động vật ở đây không những phong phú về thành phần loài mà còn có mức độ tập trung cá thể rất lớn. Bên cạnh đó du khách có thể tận mắt nhìn thấy những đàn khỉ trèo cây hái trái, nhiều loài chim bay đi bay về từng đàn nhộn nhịp trông rất đẹp mắt. Mặt khác, U Minh Hạ còn có các làng nghề truyền thống, các đặc sản có nguồn gốc từ hệ sinh thái rừng tràm, do đó nếu kết hợp các làng nghề truyền thống, các đặc sản của rừng tràm sẽ góp phần cho du lịch sinh thái phát triển.

Tuy nhiên, trong những năm qua hoạt động du lịch ở Vườn quốc gia U Minh Hạ còn nhiều khó khăn, hạn chế: Hoạt động du lịch còn mang tính đơn điệu, quy mô nhỏ, hệ thống cơ sở hạ tầng còn hạn chế, chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái chưa đảm bảo, đội ngũ cán bộ điều hành quản lý, hướng dẫn viên du lịch sinh thái còn chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách, sản phẩm du lịch và đối tượng thị trường còn chưa rõ nên khả năng thu hút khách du lịch chưa cao... Những khó khăn, hạn chế trong thực tế đã làm cho hoạt động du lịch tại Vườn quốc gia U Minh Hạ chưa phát triển tương xứng với những tiềm năng và lợi thế của mình.

Để tạo bước chuyển biến trong việc bảo tồn thiên nhiên và khai thác hợp lý các thế mạnh, tiềm năng của Vườn quốc gia U Minh Hạ trong thực tiễn định hướng phát triển của ngành du lịch. Trong năm 2018 thực hiện Nghị định 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng và Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010. Vườn quốc gia U Minh Hạ xây dựng Đề án phát triển du lịch sinh thái Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2025 và đã được phê duyệt tại Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 về việc phê duyệt Đề án du lịch sinh thái Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2025. Tuy nhiên trong quá trình triển khai các bước tiếp theo của Đề án có nhiều khó khăn do Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Để thuận tiện cho quá trình phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ xin chủ trương điều chỉnh lại cho phù hợp với Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017; Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và phương án quản lý rừng bền vững đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững đối với rừng đặc dụng Vườn quốc gia U Minh Hạ, giai đoạn 2021 - 2030. Từ những vấn đề trên Vườn quốc gia U Minh Hạ bổ sung nội dung, điều chỉnh lại “Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ

dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030” phù hợp hơn với Luật Lâm nghiệp và Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Trên cơ sở đó, Vườn quốc gia U Minh Hạ tổ chức lập Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030 (điều chỉnh) trình UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt tại Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 23/6/2023. Khi Đề án được phê duyệt, Vườn quốc gia U Minh Hạ đã triển khai thực hiện Đề án và theo hướng dẫn của Sở Xây dựng, sở, ngành có liên quan phải thực hiện lập nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trình cấp thẩm quyền phê duyệt để đảm bảo đầy đủ trình tự, thủ tục, pháp lý để kêu gọi tổ chức, cá nhân lập dự án đầu tư theo quy định pháp luật và quy định pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, trong giai đoạn triển khai lập nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trình Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định, Chính phủ ban hành Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Cục Lâm nghiệp ban hành Công văn số 1301/LN-ĐDPH ngày 29/8/2024 của Cục Lâm nghiệp về việc triển khai Nghị định số 91/2024/NĐ-CP về nội dung phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng. Theo đó, theo quy định nêu trên một số nội dung Đề án (điều chỉnh) đã được phê duyệt không còn phù hợp với quy định hiện hành và phải thực hiện rà soát, điều chỉnh Đề án cho phù hợp với quy định. Đồng thời, Vườn quốc gia U Minh Hạ đã báo cáo UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 9533/UBND-NNTN ngày 11/11/2024 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc Đề án Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ.

Việc lập Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đến năm 2030 (điều chỉnh) là cần thiết nhằm triển khai đảm bảo đúng theo quy định pháp luật đất đai, lâm nghiệp, xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan và thực hiện tốt ý kiến chỉ đạo của UBND; tạo điều kiện để kêu gọi đầu tư thực hiện các dự án phát triển du lịch Vườn quốc gia U Minh Hạ, góp phần làm phong phú các sản phẩm du lịch của tỉnh, tăng nguồn thu ngân sách cho đơn vị nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Các mục tiêu phát triển chính và các dự án ưu tiên

- Mục tiêu chung: Phát triển du lịch Vườn quốc gia U Minh Hạ bền vững gắn chặt với việc bảo tồn và phát triển hệ sinh thái rừng Tràm đa dạng phong phú của vùng đất U Minh Hạ; giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường; đảm bảo hài hòa tương tác giữa khai thác phát triển du lịch với bảo vệ giá trị tài nguyên thiên nhiên.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Đánh giá được hiện trạng tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa, danh thắng và di tích lịch sử, tâm linh để phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch phù hợp trong Vườn quốc gia.

+ Xây dựng các tuyến, các điểm du lịch sinh thái, lịch sử và tâm linh phù

hợp với tiềm năng sẵn có và đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch.

+ Định hướng cho việc lập các dự án đầu tư du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, lịch sử và tâm linh trong Vườn quốc gia.

+ Định hướng các giải pháp thu hút đầu tư, quảng bá và phát triển các hoạt động du lịch.

+ Đưa ra lộ trình đầu tư các dự án ưu tiên và các giải pháp tổ chức thực hiện.

+ Xây dựng đa dạng hóa sản phẩm du lịch, các tuyến, điểm du lịch; Xây dựng các công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch; Các phương án, giải pháp quảng bá du lịch; Phát triển nguồn nhân lực và đầu tư hạ tầng du lịch.

+ Đảm bảo việc khai thác tài nguyên cho phát triển du lịch sinh thái được quản lý theo phương thức chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm để phát triển theo chiều sâu đảm bảo chất lượng và hiệu quả, bảo tồn bản sắc văn hóa bản địa, bảo vệ môi trường, khẳng định thương hiệu và khả năng cạnh tranh.

+ Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ nhằm góp phần phát triển kinh tế địa phương, tạo các hoạt động sinh kế thông qua việc khai thác cơ hội từ hoạt động du lịch sinh thái cho cư dân địa phương. Tạo điều kiện để nhân dân địa phương tham gia các loại hình du lịch, thông qua đó nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa tinh thần; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học.

- Các dự án ưu tiên:

(1) Đầu tư các khu trong điểm du lịch và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng như đường giao thông, điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc...

(2) Đầu tư phát triển hệ thống nhà nghỉ, các công trình vui chơi giải trí, các công trình dịch vụ.

(3) Đầu tư phục hồi các giá trị văn hóa truyền thống phục vụ du lịch.

(4) Đầu tư cho công tác đào tạo nâng cao trình độ người lao động.

(5) Đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường du lịch.

(6) Tổ chức truyền thông, quảng bá hình ảnh, giới thiệu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ qua các sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh.

3. Tổng mức đầu tư

- Khái toán tổng nhu cầu kinh phí thực hiện: 1.458.959.000.000đ.

Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước : 5.200.000.000đ;

+ Kêu gọi đầu tư : 1.453.759.000.000đ.

(Phần chi tiết có phụ biểu kèm theo)

4. Các giải pháp chính để triển khai, thực hiện đề án

4.1. Các giải pháp bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học

- Với các loài quý hiếm cần xây dựng chương trình điều tra giám sát cụ thể để đảm bảo cung cấp số liệu cập nhật cho công tác quản lý và bảo tồn loài. Hợp tác với các cơ quan ban ngành trong tỉnh, các cơ quan và tổ chức chuyên môn trong nước, các tổ chức quốc tế trong công tác nghiên cứu khoa học, quản lý bền vững hệ sinh thái rừng, phát triển cộng đồng vùng đệm.

- Kiện toàn hệ thống các trạm bảo vệ, các tổ tuần tra rừng để giải quyết nhiệm vụ bảo vệ và phục hồi tài nguyên rừng; Đầu tư xây dựng hạ tầng và đặc biệt đầu tư cho công tác trồng rừng mới, bảo vệ phục hồi các hệ sinh thái rừng tự nhiên.

+ Phục hồi và phát triển các loài động, thực vật đặc hữu của rừng Tràm;

+ Phục hồi và phát triển nguồn lợi thủy sản của hệ sinh thái rừng Tràm;

+ Thiết lập các đường băng xanh cản lửa rừng, bằng giải pháp trồng các loài cây bản địa của rừng Tràm;

+ Phục hồi và phát triển rừng: Trồng bổ sung phục hồi rừng, thực hiện các giải pháp lâm sinh để phục hồi rừng, nâng cao chất lượng rừng và chất lượng hệ sinh thái; Phục hồi rừng trên đất than bùn.

- Tăng cường công tác tuần tra rừng, phân công các tổ túc trực trong rừng nhằm ngăn chặn việc khai thác tài nguyên rừng trái phép, làm ảnh hưởng đến sinh cảnh sống cũng như hạn chế việc người dân vào rừng bẫy bắt chim, thú. Nghiêm cấm các hoạt động săn, bắt mua bán động vật hoang dã trong khu du lịch. Đồng thời, hỗ trợ về nguồn vốn, kỹ thuật, giúp người dân địa phương tham gia chăn nuôi các loài động vật hoang dã, nhằm nâng cao đời sống vật chất và giảm các tác động tới nguồn tài nguyên động vật hoang dã.

- Để giảm bớt việc thu hẹp và chia cắt sinh cảnh sống của các loài thú nên quy hoạch các tuyến đi lại trong Vườn quốc gia. Đặc biệt chú ý các khu vực đi lại sử dụng các phương tiện ô tô, xe máy...

+ Quy định các tuyến đường nhất định để hạn chế tiếng ồn từ các phương tiện giao thông đến du khách, dân địa phương và các loài động vật hoang dã;

+ Không cho phép: Xây dựng các công trình có kiến trúc, vật liệu không phù hợp, bố trí các dịch vụ thiếu khoa học, sử dụng quá nhiều phương tiện quảng cáo trong Vườn. Đặc biệt quá trình quy hoạch phát triển du lịch sinh thái Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030 và các công trình xây dựng phải đảm bảo tuân thủ theo Điều 15 của Nghị định 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 và đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7, điều 1, Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ;

+ Không phát triển các hoạt động du lịch có thể tác động lớn đến đất rừng, tác động xấu đến nơi cư trú, đe dọa các loài động, thực vật rừng, sinh vật rừng... Nếu có phải được đánh giá tác động môi trường phải được cấp thẩm quyền phê

duyet.

Đào tạo nguồn nhân lực, ưu tiên tuyển dụng những cán bộ được đào tạo chính quy, có năng lực, kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo tồn rừng, giám sát đa dạng sinh học; khuyến khích học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý.

Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thông qua giao khoán bảo vệ rừng, trồng rừng và chăm sóc rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên; Thực hiện các cuộc điều tra, nghiên cứu cơ bản khu hệ động, thực vật trong khu bảo tồn để đánh giá mức độ đa dạng sinh học, chú trọng đến các loài quan trọng có tính chất chỉ thị, các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng theo Sách đỏ Việt Nam, Danh lục đỏ thế giới.

Áp dụng khoa học công nghệ trong việc cải tạo rừng tự nhiên, trồng rừng bằng cây bản địa; tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng. Triển khai phương thức bảo tồn chuyển chỗ, hình thành hệ thống vườn thực vật, vườn ươm, vườn động vật để bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý hiếm, đặc hữu có nguy cơ tuyệt chủng đã được xác định của từng khu bảo tồn trong tỉnh. Khai thác tiềm năng du lịch trong Vườn quốc gia là nhằm phát triển du lịch sinh thái gắn với sinh kế của người dân vùng đệm, nâng cao đời sống cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn đa dạng sinh học.

Tăng cường công tác truyền thông để nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học cho cán bộ, người dân sống trong vùng đệm khu bảo tồn; đưa công tác giáo dục bảo tồn vào các trường học trên địa bàn; Chi cục Kiểm lâm tỉnh phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các lực lượng vũ trang trên địa bàn trong công tác tuần tra, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, làm suy giảm đa dạng sinh học.

4.2. Giải pháp về nâng cao nhận thức cộng đồng, nâng cao tri thức cho du khách

- Xây dựng bộ tài liệu giáo dục, truyền thông về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ rừng.

- Tổ chức các khóa tập huấn kỹ năng bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ rừng cho người dân.

- Tổ chức các cuộc hội thảo nhỏ về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ rừng tại các ấp, xã vùng đệm.

- Tổ chức các buổi tuyên truyền về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ rừng trong các trường học trên địa bàn.

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ rừng trong các đợt tuyên truyền về văn hóa, giáo dục, kinh tế, xã hội của địa phương.

- Nâng cao sự phối hợp giữa chính quyền địa phương các xã vùng đệm với nhau trong công tác quản lý con người trên địa bàn và hỗ trợ nhau cùng phát triển kinh tế, nâng cao nhận thức.

- Chính quyền các xã vùng đệm cần hướng dẫn về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và các bản cam kết giữa các hộ gia đình với Vườn quốc gia, với UNND xã về giữ gìn cảnh quan môi trường sinh thái và không xâm phạm vào vùng lõi của Vườn quốc gia.

- Tận dụng và phát huy các điều kiện về tài nguyên thiên nhiên, con người trong vùng đệm, đầu tư có trọng điểm, thực hiện đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện riêng của các xã, có thị trường tiêu thụ theo hướng sản xuất hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm, tạo cơ cấu hợp lý trong nội bộ ngành sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế các xã vùng đệm của Vườn quốc gia phải gắn với việc phát triển xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học, đảm bảo sự hòa hợp giữa các cộng đồng dân tộc trên địa bàn.

- Tăng cường hơn công tác tuyên truyền giáo dục về bảo vệ rừng và môi trường cho cộng đồng người dân sống trong vùng đệm và phối hợp chặt chẽ giữa cộng đồng địa phương, chính quyền địa phương các xã với lực lượng quản lý rừng Vườn quốc gia, lực lượng Kiểm lâm để thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

- Khuyến khích các cộng đồng địa phương trong vùng đệm tham gia vào việc quy hoạch và quản lý các hoạt động bảo tồn. Giúp cộng đồng địa phương lập kế hoạch và quản lý tài nguyên thiên nhiên trong vùng đệm một cách bền vững.

- Có sự trao đổi thông tin và điều phối chặt chẽ để đảm bảo các quy hoạch và kế hoạch quản lý phát triển của chính quyền địa phương và các đơn vị kinh tế ở vùng đệm mang tính hỗ trợ (và không đi ngược lại) các mục tiêu bảo tồn đã đề ra. Các hoạt động đầu tư trong một vùng đệm cần được điều phối để hướng tới thực hiện các mục tiêu bảo tồn đề ra của vùng đệm và của Vườn quốc gia.

4.3. Giải pháp về quản lý, quy hoạch và phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

4.3.1. Quản lý, quy hoạch các khu chức năng

Cần phải có quy hoạch và quản lý các khu chức năng trong Vườn quốc gia U Minh Hạ. Đặc biệt khi quy hoạch phải thể hiện được sự gắn kết, lâu dài, bền vững, cần có sự kết nối với các điểm du lịch ở không gian du lịch phía Tây như Hòn Đá Bạc, Khu căn cứ Xẻo Đước, Lễ hội Nghinh Ông sông Đốc, Đàm thị Tường, nhà bác Ba Phi “Khu lưu niệm Nghệ nhân dân gian Nguyễn Long Phi”. Đồng thời, có thể kết nối với các điểm du lịch ở không gian du lịch phía Bắc để hình thành tuyến du lịch nội tỉnh liên hợp có lộ trình dài như:

- Khu đón tiếp du khách: xây dựng nhà đón tiếp du khách và tổ chức các hoạt động dịch vụ du lịch.

- Khu du lịch sinh thái: luôn có lực lượng kiểm tra, giám sát hỗ trợ kịp thời khi khách yêu cầu, trên đường bố trí một số điểm dừng chân cho khách nghỉ ngơi. Do đó, đề xuất cho phép làm đường để du khách di chuyển cả hai mùa mưa và nắng (chủ yếu đi bộ, xe đạp và xe điện); Song song qua đó cũng bố trí đường bộ phục vụ cho khách trong tỉnh và một số khách ngoài tỉnh câu cá trải nghiệm, xem thú đêm ... Đồng thời cần tôn tạo và xây dựng khung trang miếu thờ cụ Lê Trọng Lược người chiến sỹ cách mạng đã hy sinh trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và Đài tưởng niệm các chiến sỹ cách mạng đã hy sinh ở Rừng U Minh (Khu tâm linh và dấu ấn lịch sử vùng U Minh Hạ trong các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc). Đặc biệt cần xây dựng khu ẩm thực tổ chức dạng nhà hàng để phục vụ khách đoàn hoặc tổ chức liên hoan, hội họp. Trong đó chú trọng ẩm thực dân gian, ẩm thực đặc trưng của tỉnh. Tổ chức đầu bếp hướng dẫn du khách nấu một số món ăn truyền thống đặc sản địa phương cũng như của các vùng miền. Các sản vật của vùng U Minh Hạ như mật ong rừng, chuối ép khô, cá khô, mắm lóc. Từng bước xây dựng thương hiệu cho những sản phẩm này. Đây là những đặc sản của rừng U Minh.

- Khu vườn sưu tập động thực vật và vườn dược liệu: Quy tụ một số loài động, thực vật rừng và cây thuốc vùng U Minh Hạ. Mục đích phục vụ cho khách đến tham quan, học sinh đến học tập.

- Khu tái hiện làng rừng, khu căn cứ cách mạng: Hình thức phục dựng quang cảnh làng Những ngôi nhà sàn được nguy trang kín đáo, len lỏi trong những cánh rừng trở thành nơi ở, nơi làm việc của các chiến sỹ cách mạng và đông đảo người dân đi theo cách mạng. Ngoài ra, còn có các bộ phận được thành lập và hoạt động ngay giữa những cánh rừng để phục vụ kháng chiến như các xưởng quân giới, kho chứa vũ khí, đạn dược, kho lương thực, trường học, trạm y tế..., tất cả tạo nên một mô hình Nhân dân kháng chiến hết sức độc đáo, đó là “làng rừng”. Đối tượng phục vụ là các dạng khách (kể cả khách nước ngoài) để họ hòa vào cuộc sống của người dân trong rừng vào những năm 1958 – 1960 và thực hiện quan sát một số làng nghề truyền thống như gác kèo ong, làm chuối ép phơi khô, làm cá khô (các loại), tát đìa bắt cá, đặt lờ, làm lợp, đi nôm cá ...

- Khu nghỉ dưỡng: Mục đích, phục vụ cho các đối tượng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân từ các tỉnh thành khác đến du lịch, nghỉ ngơi, tham gia các hoạt động trong rừng U Minh Hạ. Đồng thời bố trí các khu ẩm thực tổ chức dạng nhà hàng để phục vụ khách đoàn hoặc tổ chức liên hoan, hội họp. Trong đó chú trọng ẩm thực dân gian, ẩm thực đặc trưng của tỉnh. Tổ chức đầu bếp hướng dẫn du khách nấu một số món ăn truyền thống đặc sản địa phương cũng như của các vùng miền. Các sản vật của vùng U Minh Hạ như mật ong rừng, chuối ép khô, cá khô, mắm lóc.

- Khu trồng cây lưu niệm: Đây là một việc làm ý nghĩa cho việc bảo vệ môi trường và qua đó cũng lưu lại kỷ niệm của du khách khi đến Vườn quốc gia U Minh Hạ.

4.3.2. Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch

4.3.2.1. Du lịch nghiên cứu

- Nghiên cứu các hệ động, thực vật, hệ sinh thái rừng Tràm tại Vườn quốc gia U Minh Hạ.

- Tham quan trung tâm trưng bày các mẫu vật.

- Tham quan vườn sưu tập động, thực vật và dược liệu.

- Đối tượng khách tham quan là học sinh, sinh viên, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.

4.3.2.2. Du lịch tham quan

- Tham quan vùng căn cứ cách mạng, khu tái hiện làng rừng.

4.3.2.3. Du lịch văn hóa

- Tham quan các làng nghề như: Nghề gác kèo ong, nghề làm khô, nghề ép chuối khô. Tham quan các mô hình tái hiện những câu chuyện Bác Ba Phi.

- Thưởng thức mật ong, cá khô.

- Mua các sản phẩm từ làng nghề.

4.3.2.4. Du lịch giải trí

- Camping dã ngoại.

- Các dịch vụ câu cá giải trí.

- Trò chơi dân gian: thi tát ao bằng gàu, thi bắt cá....

- Âm thực dân gian hội trại.... Tổ chức các giải marathon xuyên rừng (chạy bộ, đi bộ, chạy xe đạp ...).

4.3.2.5. Du lịch sinh thái

- Chòi vọng cảnh nhìn tổng thể 8.527,8 ha diện tích rừng tràm.

- Du ngoạn bằng chèo xuồng dọc theo các con kênh.

- Nằm võng hóng gió mát, thưởng thức làn điệu dân ca, đàn ca tài tử.

- Trồng cây lưu niệm tại phân khu trồng cây lưu niệm.

- Dùng bữa ăn gia đình trong nhà hàng sân vườn.

- Mua những món quà tặng lưu niệm thủ công, đặc sản.

- Các dịch vụ nghỉ dưỡng.

4.3.2.6. Du lịch khám phá

- Đi bộ xuyên rừng vào mê cung rừng Tràm ngắm rừng già để khám phá hệ động, thực vật, những tổ ong tự nhiên....

- Đi tham quan thú trong vườn sưu tập động, thực vật và dược liệu.

- Đi ngắm thú trong rừng vào ban đêm.

4.3.2.7. Du lịch ẩm thực

- Âm thực tổ chức dạng nhà hàng để phục vụ khách đoàn hoặc tổ chức liên hoan, hội họp.
- Âm thực dân gian, âm thực đặc trưng của tỉnh.
- Tổ chức đầu bếp hướng dẫn du khách nấu một số món ăn truyền thống đặc sản địa phương cũng như của các vùng miền.
- Các sản vật của vùng U Minh Hạ như mật ong rừng, chuối ép khô, cá khô, mắm lóc. Từng bước xây dựng thương hiệu cho những sản phẩm này. Đây là những đặc sản của rừng U Minh, du khách có thể mua về làm quà.
- Về hình thức quản lý, Loại hình đầu tư phát triển du lịch sinh thái: Tổ chức, cá nhân được thuê môi trường rừng để đầu tư du lịch sinh thái hoặc liên doanh, liên kết với Ban quản lý khu bảo tồn trên cơ sở đề án phát triển du lịch sinh thái đã được thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch sinh thái phải ưu tiên cộng đồng dân cư ở địa phương tham gia vào hoạt động này, tạo công ăn, việc làm, từng bước nâng cao đời sống người dân địa phương.

Thời gian cho thuê môi trường rừng để phát triển các hoạt động du lịch sinh thái là 30 năm, sau mỗi 5 năm sẽ xem xét quyết định tiếp tục hợp đồng dựa trên kết quả đánh giá tác động môi trường của hoạt động cho thuê môi trường.

4.4. Giải pháp về liên kết, quảng bá và tiếp thị

- Cần chủ động phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí để có những phóng sự, bài báo giới thiệu các sản phẩm du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia U Minh Hạ.
- Trên trang web của Vườn quốc gia U Minh Hạ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần có chuyên mục về du lịch nhằm giới thiệu một cách chuyên nghiệp các khu du lịch và chỉ dẫn cần thiết để du khách có thể dễ dàng đến được các điểm du lịch.
- Chủ động phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổ chức các chương trình khảo sát các tuyến, điểm du lịch tại Vườn Quốc gia U Minh Hạ cho các doanh nghiệp lữ hành.
- Thường xuyên cập nhật thông tin về sản phẩm mới để giới thiệu rộng rãi đến khách hàng.
- Khai thác các kênh truyền thông nhằm quảng bá thông tin về các sản phẩm du lịch của vùng U Minh Hạ, để Vườn Quốc gia U Minh Hạ là điểm đến du lịch được nhiều người biết đến.
- Các chương trình quảng bá xúc tiến dành cho khách du lịch cần được cập nhật liên tục với những tuyến du lịch được tổ chức vào những thời điểm phù hợp với những kỳ nghỉ, ngày lễ chính trong năm, cùng với giá cả hợp lý đi đôi với chất lượng phục vụ chuyên nghiệp.
- Xây dựng sổ tay giới thiệu về các sản phẩm du lịch sinh thái, tuyến, điểm du lịch sinh thái.

- Xây dựng bộ bưu ảnh về phong cảnh và tài nguyên đa dạng sinh học của Vườn.
- Phát hành tờ rơi hướng dẫn du khách tham quan các điểm du lịch sinh thái trong Vườn.
- Xây dựng và phát hành phim video về du lịch sinh thái của Vườn.
- Tuyên truyền trên hệ thống internet, báo chí, truyền hình địa phương.

4.5. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

4.5.1. Đào tạo nguồn nhân lực tại các đơn vị hoạt động du lịch

- Khuyến khích các nhân viên học thêm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và ngoại ngữ bằng cách hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện về thời gian.
- Phát triển các hình thức kèm cặp và khuyến khích nhân viên tự học hỏi nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ.
- Các doanh nghiệp nên đặt hàng đào tạo đối với các trường để đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của mình. Từ đó, chất lượng nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp được nâng cao, đồng thời các trường cũng nắm bắt được nhu cầu thực tiễn để cải tiến chương trình học cho phù hợp với thực tế.
- Các doanh nghiệp nên thành lập quỹ học bổng để tài trợ cho các học viên đạt kết quả học tập cao. Sau khi học viên đó tốt nghiệp, các doanh nghiệp có thể tuyển dụng.
- Thiết lập bảng mô tả công việc và tiêu chuẩn công việc đối với tất cả các chức danh trong doanh nghiệp. Từ đó, các nhân viên có thể tự rèn luyện mình để đạt tiêu chuẩn đề ra.

4.5.2. Phát triển nguồn nhân lực tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch

- Phối hợp tổ chức bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho lực lượng hướng dẫn viên du lịch tập trung vào các chuyên đề về tuyến điểm, văn hóa, lịch sử, bảo tồn động, thực vật và kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống ...
- Phối hợp tổ chức các buổi hội thảo, báo cáo chuyên đề nhằm cập nhật, nâng cao kiến thức, nghiệp vụ cho nhân viên như các chuyên đề về an ninh, bảo vệ nội bộ, du lịch sinh thái, tôn giáo, dân tộc, bảo tồn động, thực vật, bảo tồn đất ngập nước ...
- Thành lập câu lạc bộ du lịch có sự tham gia của các doanh nghiệp, đại diện các trường đại học và Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch. Họp mặt định kỳ nhằm trao đổi thông tin, những vướng mắc trong vấn đề đào tạo, quản lý nguồn lao động. Từ đó, đề xuất và kiến nghị để giải quyết kịp thời. Mặt khác, các trường cũng nắm bắt được nhu cầu thực tế của doanh nghiệp để tu chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo cho phù hợp.
- Phối hợp tổ chức các lớp tập huấn nghề cho cộng đồng địa phương.

- Phối hợp huấn luyện nghề cần thiết cho người dân kinh doanh du lịch tại các điểm phát triển du lịch cộng đồng nhằm chuẩn hóa dịch vụ cung cấp cho khách du lịch.

4.6. Giải pháp về đầu tư và cơ chế tài chính phục vụ phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí gắn với phát triển bền vững

4.6.1. Lĩnh vực đầu tư

- Đầu tư các phân khu du lịch và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng như đường giao thông, điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc...

- Đầu tư phát triển hệ thống nhà nghỉ, các công trình vui chơi giải trí, các công trình dịch vụ.

- Đầu tư phục hồi các giá trị văn hóa truyền thống phục vụ du lịch.

- Đầu tư cho công tác đào tạo nâng cao trình độ người lao động.

- Đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường du lịch.

- Tổ chức truyền thông, quảng bá hình ảnh, giới thiệu du lịch Vườn quốc gia U Minh Hạ qua các sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh.

4.6.2. Giải pháp về vốn

- Tập trung vốn ngân sách đầu tư đồng bộ có trọng tâm, trọng điểm. Trước mắt ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch... để kích thích xã hội hóa đầu tư du lịch (trong quá trình thực hiện, có thể mời gọi vốn xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển đồng bộ và kịp thời).

- Tạo các điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, dịch vụ hỗ trợ đầu tư để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển du lịch. Nhất là các khu vui chơi, nghỉ dưỡng và ăn uống, ưu tiên vốn đầu tư nước ngoài vào các đề án có quy mô lớn, kinh doanh những sản phẩm du lịch, các loại hình du lịch mới hấp dẫn.

- Huy động vốn liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân trong nước, vốn tự có của các hộ gia đình tham gia vào hoạt động du lịch.

- Khai thác các nguồn tín dụng ưu đãi, vốn vay ODA.

- Triển khai chính sách cho thuê môi trường rừng với các tổ chức đáp ứng được các điều kiện nhất định.

- Có cơ chế ưu đãi về tín dụng (cho vay tiền lãi xuất thấp, thời hạn dài), ưu tiên liên doanh liên kết môi trường rừng ... đối với các doanh nghiệp và hộ gia đình có nhu cầu kinh doanh du lịch sinh thái, phát triển làng nghề và các dịch vụ phục vụ đời sống kinh tế, văn hóa của người dân địa phương tại Vườn quốc gia.

Để cho quá trình đầu tư, phát triển du lịch sinh thái không bị chậm tiến độ, kịp thời, hiệu quả và đưa vào hoạt động, nguồn kinh phí từ ngân sách có thể kêu gọi doanh nghiệp bỏ vốn vào thực hiện.

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết

Cà Mau là tỉnh ven biển cực Nam của Tổ quốc, hình thái là một bán đảo giáp cả Biển Tây và Biển Đông với chiều dài bờ biển là 254 km. Khí hậu Cà Mau ôn hòa thuộc vùng cận xích đạo, nhiệt đới gió mùa, có 2 mùa mưa, nắng rõ rệt, không bị ảnh hưởng của lũ và ít có bão. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 7.942,39 km² với dân số khoảng 2.606.672 người (sau sáp nhập), tỉnh Cà Mau giàu tài nguyên về rừng và biển, hệ sinh thái rừng ngập nước với diện tích hơn 100.000 ha được chia thành 2 vùng: Rừng ngập lợ ứng phèn với đặc trưng cây tràm là chủ yếu nằm sâu trong đất liền ở vùng U Minh Hạ; rừng ngập mặn với đặc trưng cây đước, cây mắm là chủ yếu ở vùng Mũi Cà Mau và rừng ngập mặn ven biển; trong rừng có nhiều loài động vật, thực vật phong phú với trữ lượng lớn là đặc sản của rừng ngập nước, rừng Cà Mau trở thành nổi tiếng trên thế giới và chỉ đứng sau rừng ngập mặn ở Cửa sông Amazon (Brazil).

Vườn quốc gia U Minh Hạ được thành lập theo Quyết định 112/QĐ-TTg ngày 20/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Chuyển Khu Bảo tồn thiên nhiên Vồ Dơi thành Vườn quốc gia U Minh Hạ và Quyết định 1024/QĐ-TTg ngày 07/06/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích Vườn quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau với tổng diện tích 8.527,8 ha nằm trong hệ thống 34 Vườn quốc gia của toàn quốc và đã được tổ chức UNESCO công nhận là một trong ba vùng lõi Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Mũi Cà Mau. Trong Vườn quốc gia U Minh Hạ quản lý còn khoảng 1.761 ha là rừng nguyên sinh, đây là diện tích rừng nguyên sinh duy nhất còn lại của tỉnh Cà Mau, với khoảng 176 loài cây cỏ tự nhiên, 23 loài Thú, 91 loài Chim, 47 loài Lưỡng cư, bò sát và nhiều loài côn trùng khác. Trong Vườn có có những loài quý hiếm, đặc hữu như: Ráng U Minh (*Asplenium confusum*), Nắp Nước (*Nepenthes mirabilis*), Kỳ Nam Kiến (*Hydnophyllum formicarum*), Móp (*Alstonia spathulata*), Mật Cật Gai (*Licuala spinosa*), nhiều loài dương xỉ, tảo...; Cây Hương (*Viverricula indica*), Dơi Quạ (*Pteropus lylei*), Cây Vòi Hương (*Paradoxurus hermaphroditus*), Mèo Rừng (*Prionailurus (Felis) bengalensis*), Mèo Cá (*Prionailurus (Felis) viverrinus*), Rái Cá Lông Mũi (*Lutra sumatrana*), Heo Rừng (*Sus scrofa*), Nai (*Cervus unicolor*), Khỉ Đuôi Dài (*Macaca fascicularis*); Già Đầy Java (*Leptoptilos javanicus*), Diêng Diên (*Anhinga melanogaster*), Diệc Lửa (*Ardea purpurea*), Diệc Xám (*Ardea cinerea*), Cò Trắng (*Egretta garzetta*), Cồng Cọc (*Phalacrocorax niger*); Rắn Hổ Đất (*Naja naja*), Rắn Hổ Mang Chúa (*Ophiophagus hannah*), Rắn Cạp Nong (*Bungarus fasciatus*), Trăn Gấm (*Python reticulatus*), Kỳ Đà Nước (*Varanus salvator*), Rùa Ba Gờ (*Malayemys subtrijuga*), Rùa Răng (*Heosemys annandalii*), Rùa Hộp Lưng Đen (*Cuora amboinensis*) cùng sự tham gia của các loài Lưỡng thê và nhiều loài côn trùng khác ... Đây thực sự là một bảo tàng sinh thái sống về các

loài thực vật, động vật thuộc hệ sinh thái rừng ngập của khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung.

Ngoài ra, trên lâm phần có hơn 136,2 km kênh mương với tổng diện tích mặt nước hơn 1.000.000m² (chưa kể diện tích của các thảm cỏ ngập nước theo mùa) đây thực sự là sinh cảnh tự nhiên cho phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong Vườn quốc gia U Minh Hạ.

Với tiềm năng và thế mạnh như trên, có thể nói Vườn quốc gia U Minh Hạ là một trong những điểm du lịch sinh thái hấp dẫn đối với du khách. Đặc biệt vào mùa khai thác cá, du khách dễ dàng bắt gặp một số loài cá có giá trị khoa học và kinh tế như: Cá Lóc (*Ophicephalus striatus*), Sặc Rằn (*Trichogaster pectoralis*), Sặc Bướm (*Trichopsis trichopterus*), Trê Vàng (*Clarias macrocephalus*), Rô Đồng (*Anabas testudineus*), Thát Lát (*Notopterus notopterus*), ... Hệ động vật ở đây không những phong phú về thành phần loài mà còn có mức độ tập trung cá thể rất lớn. Bên cạnh đó du khách có thể tận mắt nhìn thấy những đàn khỉ trèo cây hái trái, nhiều loài chim bay đi, bay về từng đàn nhộn nhịp trông rất đẹp mắt. Mặt khác, U Minh Hạ còn có các làng nghề truyền thống, các đặc sản có nguồn gốc từ hệ sinh thái rừng tràm, do đó nếu kết hợp các làng nghề truyền thống, các đặc sản của rừng tràm sẽ góp phần cho du lịch sinh thái phát triển.

Theo đó, Vườn quốc gia U Minh Hạ được chia làm 3 phân khu chức năng để thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học và đầu tư phát triển. Trong đó dự kiến quy hoạch khu du lịch sinh thái có quy mô diện tích 1.318,5ha (gồm phân khu dịch vụ hành chính và một phần khu phục hồi sinh thái). Hệ thống cơ sở hạ tầng tại Vườn quốc gia U Minh Hạ đã và đang đầu tư xây dựng ngày càng hoàn thiện phần nào đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học và tham quan du lịch sinh thái của du khách trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, trong những năm qua việc hoạt động du lịch ở Vườn quốc gia U Minh Hạ có nhiều khó khăn hạn chế: Hoạt động du lịch còn mang tính đơn điệu, quy mô nhỏ, hệ thống cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế, chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái chưa đảm bảo, đội ngũ cán bộ điều hành quản lý, hướng dẫn viên du lịch sinh thái còn chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách, sản phẩm du lịch và đối tượng thị trường còn chưa rõ nên khả năng thu hút khách du lịch chưa cao.... Bên cạnh đó, hàng năm trong lâm phần quản lý cũng luôn tiềm ẩn những nguy cơ tác động đến tài nguyên thiên nhiên như: việc vào rừng khai thác trái phép tài nguyên thiên nhiên và săn bắt, buôn bán động vật hoang dã vẫn còn diễn ra nhưng mang tính chất nhỏ, lẻ; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, ô nhiễm môi trường sinh thái và cháy rừng vẫn còn là những tác động lớn gây khó khăn cho công tác Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ở Vườn Quốc gia U Minh Hạ hiện nay. Những khó khăn, hạn chế nêu trên phần nào gây ảnh hưởng đến sự phát triển các hoạt động du lịch tại đơn vị, chưa phát triển tương xứng với những tiềm năng và lợi thế vốn có hiện nay.

➤ Ưu điểm về du lịch sinh thái rừng Vườn quốc gia U Minh Hạ

- Tính đa dạng về sinh học (thảm thực vật, hệ động vật quý hiếm, hệ sinh thái rừng tràm...), Vườn quốc gia U Minh Hạ hoàn toàn có cơ sở để phát triển

những sản phẩm du lịch sinh thái không trùng lặp so với nhiều địa phương khác trong Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Về hình ảnh du lịch: Vườn quốc gia U Minh Hạ được xem là một nơi du lịch kỳ thú, đây được xem như một điểm mạnh mà nhiều địa phương lân cận không có được. Do đó cần duy trì và phát huy hình ảnh đã có và tạo được những hình ảnh đặc trưng để Vườn quốc gia U Minh Hạ thực sự là điểm đến hấp dẫn trong mắt du khách là hết sức quan trọng.

- Vườn quốc gia U Minh Hạ là vùng căn cứ địa cách mạng có ý nghĩa lịch sử to lớn, với dấu ấn làng rừng, đây là một điểm mạnh và là một đặc trưng của Vườn. Do đó, cần phát huy điểm mạnh này.

- Ngoài ra, Vườn quốc gia U Minh Hạ còn có những làng nghề truyền thống rất đặc trưng như gác kèo ong, đan lát, làm mắm, nuôi cá đồng... Và các đặc sản như mật ong rừng, khô, mắm, chuối ép khô... Đây là những tiềm năng để phát triển các sản phẩm du lịch như: du lịch văn hóa, du lịch ẩm thực.

- Hệ thống các kênh đan xen trong rừng U Minh Hạ rất thuận tiện để phát triển các tour du lịch đường thủy.

- Hệ thống đường bộ và đường xuyên rừng tạo điều kiện cho rừng U Minh Hạ hình thành các tour du lịch kết hợp đường thủy, đường bộ góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch.

Việc liên kết giữa các vườn quốc gia, khu bảo tồn, các cơ quan tổ chức làm du lịch tạo ra các tour du lịch liên kết các địa điểm trên sẽ tăng tính hấp dẫn và mang lại hiệu quả cao hơn.

- Nhu cầu du lịch trên thế giới và khu vực đang ngày một tăng, con người đang thân thiện với thiên nhiên thông qua du lịch sinh thái.

- Mức sống dân cư ngày một tăng, do đó người dân cũng có nhu cầu đi du lịch nhiều hơn.

- Nhu cầu du lịch sinh thái, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch ẩm thực, du lịch khám phá đang có xu hướng phát triển mạnh.

- Tỉnh đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho Vườn quốc gia U Minh Hạ phát triển du lịch.

➤ **Hạn chế về du lịch sinh thái rừng Vườn quốc gia U Minh Hạ**

- Lực lượng lao động hoạt động lĩnh vực du lịch tại Vườn quốc gia còn thiếu, chưa đạt chất lượng cao và chưa chuyên nghiệp, còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu phát triển ngành du lịch nói riêng, phát triển nền kinh tế tri thức nói chung. Nhân lực có trình độ, tay nghề cao chưa nhiều và vẫn thiếu những cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm làm nòng cốt đào tạo, truyền nghề cho nguồn nhân lực trẻ.

- Cơ sở hạ tầng ở Vườn quốc gia U Minh Hạ dù đang từng bước được cải thiện và được đầu tư nhưng vẫn còn lạc hậu. Đặc biệt, chưa có cơ sở lưu trú cho

khách tham quan du lịch, các điểm ăn uống chưa được hình thành, chưa có sự đa dạng trong ẩm thực và chưa khai thác được tiềm năng về ẩm thực. Chỉ phục vụ những món ăn mang đặc thù vùng U Minh Hạ nhưng chưa được đa dạng hóa ...

- Các sản phẩm du lịch chưa đa dạng, chưa khai thác hết tiềm năng tài nguyên thiên nhiên của vườn, chưa được đầu tư bài bản để hấp dẫn du khách.

- Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch tại Vườn quốc gia U Minh Hạ chưa được chú trọng đầu tư. Các hoạt động xúc tiến, quảng bá còn thiếu tính chuyên nghiệp, kinh phí dành cho công tác này còn nhiều vướng mắc, bất cập, thiếu chính sách ưu tiên, chưa linh hoạt để có thể xây dựng và triển khai những kế hoạch xúc tiến du lịch chủ động nhằm ứng phó, hạn chế tác động tiêu cực, bất thường của những biến động đối với lượng khách tham quan.

Ngoài ra, Vườn quốc gia thực hiện chức năng bảo tồn, tái tạo các giá trị về cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái và đa dạng sinh học của hệ sinh thái đất ngập nước đặc thù, rừng tràm trên đất than bùn. Đặc biệt, hàng năm vào những tháng cao điểm của mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau), Vườn quốc gia phải tập trung vào công tác phòng cháy chữa cháy rừng nên cũng phần nào ảnh hưởng đến hoạt động du lịch tại Vườn quốc gia.

➤ So sánh cơ hội phát triển du lịch sinh thái của khu vực Vườn quốc gia U Minh Hạ

- Vườn quốc gia U Minh Hạ với phần lớn là diện tích rừng tràm, là một trong ba vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển thế giới Mũi Cà Mau, bảo tồn đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái khu vực. Rừng tràm U Minh Hạ điển hình cho việc bảo vệ, ổn định môi trường sinh thái cho vùng Bán đảo Cà Mau, được ví như "lá phổi xanh" cho cả Tây Nam Bộ. Giá trị và tầm quan trọng của nó đã được ghi nhận trong thư mục rừng ở các nước vùng châu Á.

- Rừng ngập ở đây với nét đặc sắc riêng là có đất than bùn khá dày, nước đỏ (úng phèn); là nơi trú ngụ của nhiều động, thực vật quý hiếm; nơi cung cấp lâm sản, gieo trồng lúa, trồng các loại cây ăn quả, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản; là nơi sinh sống của các cộng đồng dân cư địa phương.

- Hệ động, thực vật rừng tràm Vườn quốc gia U Minh Hạ rất phong phú. Đây là khu bảo vệ thiết yếu bảo đảm cho sự phục hồi của các giống loài đặc hữu của hệ sinh thái ngập nước với nhiều loài được ghi trong sách đỏ của Việt Nam như: Mèo cá (*Prionailurus (Felis) viverrinus*), Rái cá lông mũi (*Lutra sumatrana*); Già đẫy Java (*Leptoptilos javanicus*), Diêng diêng (*Anhinga melanogaster*); rắn hổ mang chúa (*Ophiophagus hannah*), rắn cạp nong (*Bungarus fasciatus*), trăn gấm (*Python reticulatus*), kỳ đà nước (*Varanus salvator*), rùa ba gờ (*Malayemys subtrijuga*), rùa răng (*Heosemys annandalii*), rùa hộp lưng đen (*Cuora amboinensis*)... và còn được xem là một bảo tàng sinh thái sống về các loài thực vật thuộc hệ sinh thái ngập úng của khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Về thủy sản, dưới tán rừng U Minh Hạ ngập nước vào mùa mưa là nơi sinh sản, trú ngụ của nhiều loài cá nước ngọt như: cá lóc, cá rô, cá trê, thát lát...

- Rừng tràm U Minh Hạ là vùng căn cứ địa cách mạng trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, có ý nghĩa lớn trong lịch sử đấu tranh hào hùng của dân tộc; nơi gắn liền với nhiều di tích lịch sử cách mạng và giáo dục truyền thống yêu nước của vùng đất U Minh trung dũng, kiên cường.

- Các làng nghề truyền thống như gác kèo ong, làm mắm, nuôi cá đồng... là một trong những tài nguyên du lịch nhân văn đặc thù của vùng U Minh Hạ có thể phát triển du lịch sinh thái.

- Các đặc sản của vùng U Minh Hạ như mật ong rừng U Minh, mắm cá đồng, khô... là những đặc sản có thể phát triển nhằm phục vụ cho nhu cầu mua quà của du khách.

- Vườn quốc gia U Minh Hạ có thể kết nối với các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Cà Mau một cách thuận tiện. Cụ thể, Phía tây Nam tỉnh Cà Mau có nhiều điểm du lịch nổi tiếng như: Khu du lịch Hòn Đá Bạc cách Cà Mau khoảng 50 km thuộc địa phận xã Đá Bạc, tỉnh Cà Mau (xã Khánh Bình Tây huyện Trần Văn Thời cũ); khu du lịch Đầm Thị Tường cách Cà Mau khoảng 60 km nằm cạnh kênh xáng Bà Kẹo nối ra vịnh Thái Lan giáp ranh giữa 03 vùng là Phú Tân, Trần Văn Thời và Cái Nước cũ; khu Nhà Bóc Ba Phi “Khu lưu niệm Nghệ nhân dân gian Nguyễn Long Phi” là nhân vật huyền thoại cho nền văn hóa dân gian vùng mở đất, cách Cà Mau khoảng 50km nằm trên địa bàn xã Khánh Hưng, tỉnh Cà Mau (xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời cũ); khu du lịch sinh thái Sông Trẹm thuộc xã Nguyễn Phích, tỉnh Cà Mau (xã Khánh Thuận, huyện U Minh cũ) ...

Để tạo bước chuyển biến trong việc bảo tồn thiên nhiên và khai thác hợp lý các thế mạnh, tiềm năng của Vườn quốc gia U Minh Hạ trong thực tiễn định hướng phát triển của ngành du lịch đạt kết quả tương xứng thì việc lập điều chỉnh: “Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030” là yêu cầu cần thiết, sẽ tạo điều kiện để phát triển dịch vụ du lịch ở Vườn quốc gia U Minh Hạ, góp phần phát triển du lịch của tỉnh, đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch. Qua đó, tăng nguồn thu từ các hoạt động du lịch tại đơn vị góp phần tăng nguồn thu ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Trên cơ sở Phương án Quản lý rừng bền vững đối với rừng đặc dụng giai đoạn 2021 – 2030 của Vườn quốc gia U Minh Hạ (được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2021), Vườn quốc gia U Minh Hạ điều chỉnh lại Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đến năm 2030 với các nội dung phù hợp với quy định tại Điều 14, 15 Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ, và điều chỉnh, bổ sung các nội dung theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 6082/UBND-XD ngày 19/10/2020 và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

Trên cơ sở đó, Vườn quốc gia U Minh Hạ tổ chức lập Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030 (điều chỉnh) trình UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt tại Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày

23/6/2023. Khi Đề án được phê duyệt, Vườn quốc gia U Minh Hạ đã triển khai thực hiện Đề án và theo hướng dẫn của Sở Xây dựng, sở, ngành có liên quan phải thực hiện lập nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trình cấp thẩm quyền phê duyệt để đảm bảo đầy đủ trình tự, thủ tục, pháp lý để kêu gọi tổ chức, cá nhân lập dự án đầu tư theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong giai đoạn triển khai lập nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trình Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định, Chính phủ ban hành Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Cục Lâm nghiệp ban hành Công văn số 1301/LN-ĐDPH ngày 29/8/2024 của Cục Lâm nghiệp về việc triển khai Nghị định số 91/2024/NĐ-CP về nội dung phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng. Theo đó, nội dung Đề án đã được phê duyệt không còn phù hợp với quy định hiện hành và phải thực hiện điều chỉnh Đề án cho phù hợp với quy định; đồng thời, Vườn quốc gia U Minh Hạ đã báo cáo UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 9533/UBND-NNTN ngày 11/11/2024 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc Đề án Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ.

Việc lập Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đến năm 2030 (điều chỉnh) là cần thiết nhằm triển khai đảm bảo đúng theo quy định pháp luật đất đai, lâm nghiệp, xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan và thực hiện tốt ý kiến chỉ đạo của UBND tại Công văn số 9533/UBND-NNTN ngày 11/11/2024; tạo điều kiện để kêu gọi đầu tư thực hiện các dự án phát triển du lịch Vườn quốc gia U Minh Hạ, góp phần làm phong phú sản phẩm du lịch của tỉnh, tăng nguồn thu ngân sách cho đơn vị nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Để đảm bảo đạt được kết quả mục tiêu phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí của Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030 bền vững, đơn vị cần triển khai thực hiện tốt các nguyên tắc sau đây:

- Đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật về lâm nghiệp, đất đai, xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan; phù hợp với quy hoạch của tỉnh, ngành về phát triển du lịch, lâm nghiệp, đa dạng sinh học và phát triển kinh tế - xã hội. Tuân thủ theo Phương án quản lý rừng bền vững đối với rừng đặc dụng giai đoạn 2021 – 2030 được Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 01/7/2021.

- Không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất; không làm ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng đặc dụng; bảo tồn đa dạng sinh học, không chặt phá cây rừng; các công trình xây dựng, lắp dựng phục vụ du lịch sinh thái phải dựa vào thiên nhiên, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, khuyến khích sử dụng các vật liệu lắp ghép, dễ tháo dỡ và thân thiện với môi trường; trong phân khu dịch vụ, hành chính được xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống tính theo độ tàn che của cây rừng.

- Không làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử - văn hóa.

- Khai thác, sử dụng nguồn lực một cách bền vững: Việc bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, văn hóa và xã hội là hết sức cần thiết. Chính điều này sẽ khiến cho việc kinh doanh du lịch phát triển lâu dài.

- Giảm sự tiêu thụ quá mức tài nguyên và giảm thiểu chất thải: Việc giảm tiêu thụ quá mức tài nguyên như nước, năng lượng và giảm chất thải ra môi trường sẽ tránh được những chi phí tốn kém cho việc hồi phục tổn hại về môi trường và đóng góp cho chất lượng của du lịch.

- Duy trì tính đa dạng, cả đa dạng thiên nhiên, đa dạng xã hội và đa dạng văn hóa: Việc duy trì và tăng cường tính đa dạng của thiên nhiên, văn hóa và xã hội là yếu tố cốt yếu cho du lịch phát triển bền vững, lâu dài và cũng là chỗ dựa sinh tồn của ngành công nghiệp du lịch.

- Phát triển du lịch phải đặt trong quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế – xã hội: Hợp nhất phát triển du lịch vào trong khuôn khổ quy hoạch chiến lược phát triển kinh tế – xã hội cấp quốc gia và địa phương, việc tiến hành đánh giá tác động môi trường sẽ tăng khả năng tồn tại lâu dài của ngành Du lịch.

- Phát triển du lịch phải hỗ trợ kinh tế địa phương phát triển: Ngành du lịch với các hoạt động thật sự là bộ phận hỗ trợ cho việc phát triển kinh tế, doanh thu của địa phương và có tính đến giá trị và chi phí về môi trường sẽ vừa bảo vệ được kinh tế địa phương phát triển lại vừa tránh được tổn hại về môi trường.

- Kêu gọi sự tham gia của cộng đồng địa phương: Việc tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch sẽ không chỉ mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương và môi trường mà còn nâng cao chất lượng phục vụ du lịch.

- Lấy ý kiến quần chúng và các đối tượng có liên quan: Việc trao đổi, thảo luận giữa ngành du lịch và cộng đồng địa phương, các tổ chức và cơ quan liên quan khác nhau là rất cần thiết nhằm cùng nhau giải tỏa các mâu thuẫn tiềm ẩn về quyền lợi.

- Chú trọng công tác đào tạo nguồn lực: Việc đào tạo nguồn nhân lực trong đó có lồng ghép vấn đề phát triển du lịch bền vững vào thực tiễn công việc và cùng với việc tuyển dụng lao động địa phương ở mọi cấp sẽ làm tăng các sản phẩm du lịch.

- Tiếp thị du lịch một cách có trách nhiệm: Việc tiếp thị, cung cấp cho khách du lịch những thông tin đầy đủ và có trách nhiệm sẽ nâng cao sự tôn trọng của du khách đối với môi trường thiên nhiên, văn hóa và xã hội ở nơi tham quan, đồng thời sẽ làm tăng sự hài lòng của du khách.

- Coi trọng công tác nghiên cứu: Tiếp tục nghiên cứu và giám sát các hoạt động du lịch thông qua việc sử dụng và phân tích có hiệu quả các số liệu là rất cần thiết để giúp cho việc giải quyết những vấn đề tồn đọng và mang lại lợi ích cho các điểm tham quan, cho ngành Du lịch và cho khách hàng.

CHƯƠNG 1

ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI VƯỜN QUỐC GIA U MINH HẠ

1.1. Điều kiện tự nhiên và tiềm năng du lịch tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý, ranh giới và diện tích

Vườn quốc gia U Minh Hạ là một trong hai Vườn quốc gia tại tỉnh Cà Mau được thành lập theo Quyết định 112/QĐ-TTg ngày 20/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Chuyển Khu Bảo tồn thiên nhiên Vồ Dơi thành Vườn quốc gia U Minh Hạ và Quyết định 1024/QĐ-TTg ngày 07/06/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích Vườn quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau và đã được tổ chức UNESCO công nhận là một trong ba vùng lõi Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Mũi Cà Mau. Vườn quốc gia U Minh Hạ cũng đã được UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững đến năm 2030 theo Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững đối với rừng đặc dụng Vườn quốc gia U Minh Hạ giai đoạn 2021-2030. Theo đó Vườn quốc gia U Minh Hạ được giao quản lý tổng diện tích 8.527,8 ha, được phân chia thành 03 phân khu chức năng:

- + Phân khu dịch vụ hành chính : Diện tích 743,6 ha;
- + Phân khu phục hồi sinh thái : Diện tích 5.190,5 ha;
- + Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt : Diện tích 2.593,7 ha.

Vườn quốc gia U Minh Hạ nằm cách thành phố Cà Mau khoảng 30 km về phía Bắc, nằm trên địa bàn các xã của tỉnh Cà Mau như sau: Xã Đá Bạc: Gồm các tiểu khu: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 61 và 63 (xã Trần Hợi; xã Khánh Bình Tây Bắc, thuộc Huyện Trần Văn Thời cũ); Xã Khánh An: Gồm các tiểu khu: 69; 70; 72; 73; 75; 76; 77, xã Khánh Lâm: Gồm tiểu khu: 59. Vị trí của Vườn quốc gia U Minh Hạ được xác định bởi tọa độ địa lý và ranh giới như sau:

Tọa độ địa lý:

- Từ 9°12'30'' đến 9°17'41'' vĩ độ Bắc
- Từ 104°54' 1'' đến 104°59'16'' kinh Đông

Ranh giới:

- Bắc giáp giới hạn tuyến kênh 27 (Phân trại K3 Cái Tàu);
- Nam giáp kênh đê bao phía nam giới hạn (Khu rừng trồng dân cư đội II và đội III Ấp Vồ Dơi, xã Đá Bạc; kênh xáng Minh Hà);
- Đông giáp kênh số 100 đến đê bao phía Đông giới hạn (Ấp 14 Xã Khánh An và hậu đội I T₁₉ Ấp Vồ Dơi, xã Đá Bạc);
- Tây giáp kênh số 90 đến đê bao phía Tây giới hạn (phân trường công ty LN U Minh Hạ và hậu dân cư đội IV ấp Vồ Dơi, xã Đá Bạc).

*** Nhận xét**

Từ lúc thành lập đến nay, diện tích quản lý vẫn giữ nguyên 8.527,8 ha rừng đặc dụng thuộc Vườn quốc gia U Minh Hạ, các khu vực lân cận rừng U Minh thuộc rừng sản xuất (chủ yếu là sản xuất kinh tế lâm nghiệp), do đó, diện tích rừng Vườn quốc gia là một trong những điểm mạnh về tài nguyên thiên nhiên, mang tính đặc thù, bảo tồn các giá trị thiên nhiên, đa dạng sinh học của vùng đất U Minh Hạ và là địa điểm du lịch mang tính hấp dẫn cho du khách đến với Cà Mau.

Hiện nay, hệ thống giao thông giữa Vườn quốc gia đến các xã đều cơ bản đã được kết nối thông suốt có tuyến thì lộ nhựa, có tuyến thì lộ bê tông. Trong toàn lâm phần Vườn quốc gia đã đầu nối các tuyến đường nhựa, bê tông như: Tuyến đường nhựa trung tâm; tuyến đường nhựa T_{21} từ trung tâm về Đội quản lý rừng T_{21} ; từ Đội quản lý rừng T_{21} về đến Đội quản lý rừng Kinh Đứng và từ Đội quản lý rừng Kinh Đứng đến lộ trung tâm $T_{1.200}$; Từ trung tâm $T_{1.200}$ đến Đội quản lý rừng Minh Hà; Từ Đội quản lý rừng Minh Hà đến Đội quản lý rừng T_{19} ; Tuyến đá xò bồ từ Đội quản lý rừng T_{19} đến Đội quản lý rừng Cơ động; Tuyến T_{90} từ Đội T_{21-90} đến T_{27-90} ; Tuyến T_{27} từ T_{27-90} đến T_{27-100} ; tuyến T_{100} từ T_{21-100} đến T_{27-100} ; tuyến T_{96} từ T_{21} đến T_{27} ; tuyến T_{23} từ T_{93} đến T_{100} . Nhìn chung chu vi toàn lâm phần Vườn quốc gia đã được thông suốt.

Vườn quốc gia U Minh Hạ xét ở góc độ quốc gia, đây là điểm du lịch có ý nghĩa Quốc gia. Đồng thời cũng là điểm du lịch có ý nghĩa địa phương, tạo nét đặc thù của tỉnh Cà Mau. Do đó, có thể thấy rằng Vườn quốc gia U Minh Hạ là một trong những điểm du lịch rất tiềm năng cần tập trung đầu tư phát triển.

Mặt khác, Vườn quốc gia U Minh Hạ được xem như là điểm nhấn ở không gian du lịch phía Tây của tỉnh, là một phần của khu dự trữ sinh quyển, là tài nguyên quý báu của tự nhiên, đồng thời là nơi có thể phát triển du lịch sinh thái hấp dẫn của Cà Mau nói riêng và cả nước nói chung. Ngoài ra, Vườn quốc gia U Minh Hạ có thể kết nối với điểm du lịch như: Khu du lịch Hòn Đá Bạc; “Khu lưu niệm Nghệ nhân dân gian Nguyễn Long Phi” thường gọi là Bác Ba Phi; lễ hội Nghinh Ông; Đầm Thị Tường; Khu căn cứ Xẻo Đước; Mũi Cà Mau để tạo ra các sản phẩm du lịch như du lịch sinh thái cộng đồng, du lịch tham quan, du lịch văn hóa... Địa điểm du lịch tại Vườn quốc gia cách trung tâm thành phố Cà Mau khoảng hơn 30km, du khách có thể đến tham gia Khu du lịch sinh thái Vườn quốc gia U Minh Hạ bằng phương tiện đường bộ: ô tô, mô tô,...một cách dễ dàng và thời gian di chuyển ngắn, có thể đi về trong ngày.

Để tham quan du lịch tại Vườn quốc gia U Minh Hạ du khách có thể di chuyển trên 02 tuyến đường chính từ Cà Mau đến tham quan: Đường đt 985 và đt 986; Đường đt 985 hướng về U Minh có thể lòng ghép về khu du lịch Sông Trẹm, còn đường đt 986 thì hướng về Hòn Đá Bạc nên việc đầu tư phát triển sẽ mở hướng đi rộng về 2 khu du lịch nêu trên của Cà Mau.



Hình 1: Bản đồ hiển thị hướng tiếp cận vào Vườn quốc gia U Minh Hạ

1.1.2. Địa hình, địa chất và thổ nhưỡng

Vườn quốc gia U Minh Hạ thuộc miền địa mạo đồng bằng lòng chảo Nam bộ, phụ miền đồng bằng tích tụ Tây Nam bộ, vùng địa mạo đồng bằng sinh vật biển U Minh. Đặc điểm chung nhất của vùng địa mạo đồng bằng sinh vật biển U Minh là kiểu kiến trúc hình thái trũng, phù sa mới và sụt võng. Độ cao địa hình từ - 0,2m đến 1,5m. Nền địa chất chủ yếu trong vùng U Minh Hạ là trầm tích Đệ Tứ Holocen (QIV), trong đó gồm các phân vị địa tầng: trầm tích đầm lầy biển (bmQIV); sông - biển (ambQIV); trầm tích lòng sông cổ (amQIV); trầm tích sông (amQIV). Các loại đất trong vùng U Minh Hạ bao gồm đất phèn và đất than bùn.

Vườn quốc gia U Minh Hạ có các loại đất phèn: đất phèn hoạt động nông trên nền phèn tiềm tàng, mặn ít (Sj_{lp}Mi); đất phèn hoạt động sâu trên nền phèn tiềm tàng, mặn trung bình (Sj_{2p}M); đất phèn hoạt động nông, mặn ít (Sj_lMi); (đất phèn tiềm tàng sâu, mặn ít (Sp₂Mi).

Nhóm đất than bùn (Ts) phân bố tập trung ở khu bảo vệ nghiêm ngặt Vườn quốc gia U Minh Hạ. Mỏ than bùn U Minh Hạ thuộc loại mỏ đầm lầy ven biển cổ. Dưới lớp than bùn thường là lớp trầm tích chứa vật liệu sinh phèn nên đất than bùn còn được gọi là đất than bùn - phèn tiềm tàng.

*** Nhận xét**

Với đặc điểm Vườn quốc gia U Minh Hạ là vùng đất ngập nước úng phèn theo mùa, có nhiều kênh mương để dự trữ nước phục vụ công tác PCCCR hàng năm do đó du khách có thể tiếp cận địa hình này theo 2 cách:

- Hệ thống các kênh đan xen trong rừng U Minh Hạ rất thuận tiện để phát triển các tour du lịch đường thủy.

- Hệ thống đường bộ và đường xuyên rừng tạo điều kiện cho rừng U Minh Hạ hình thành các tour du lịch kết hợp đường thủy, đường bộ góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch.

1.1.3. Khí hậu và mùa vụ du lịch

1.1.3.1. Khí hậu

Tỉnh Cà Mau chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, hàng năm có hai mùa rõ rệt. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, với chế độ gió mùa Đông Bắc, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 với chế độ gió mùa Tây Nam.

- Nhiệt độ bình quân/năm: 27,6°C (max: 38°C, min: 15°C);
- Ẩm độ trung bình/năm: 81% (max: 86%, min: 73%);
- Tổng lượng mưa bình quân/năm: 2.350 mm (max: 2.800mm, min: 1.940mm);
- Số ngày mưa bình quân/năm 165 ngày, tập trung chủ yếu vào các tháng 7,8,9;
- Lượng bốc hơi bình quân/năm: 1.004 mm;
- Tốc độ gió: 3 - 4 m/giây;
- Tổng số giờ nắng trung bình 2.226 giờ/năm (tập trung từ tháng 1 - 4).
- Nhiệt độ, lượng bức xạ và lượng mưa cao. Lượng bốc hơi phân bố theo mùa.
- Độ ẩm không khí và lượng bốc hơi: Độ ẩm cao nhất là tháng 9, 10; mùa mưa, chỉ số ẩm ướt (lượng mưa/lượng bốc hơi) là 4,1 lần; vào mùa khô, chỉ số khô hạn (lượng bốc hơi/lượng mưa) là 2,2 lần;

Khí hậu ôn hòa tương đối ổn định, biến động giữa các năm không nhiều, nằm trong vùng ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, lũ hàng năm.

1.1.3.2. Mùa vụ du lịch

Với hiện tại thì việc phục vụ du lịch chỉ chủ yếu vào các lễ, hội cho khách nội và ngoại tỉnh, các ngày nghỉ, câu cá cho khách nội tỉnh, vào mùa khô thì tạm dừng phục vụ. Tuy nhiên với đặc điểm Vườn quốc gia U Minh Hạ là vùng đất ngập nước úng phèn theo mùa, có nhiều kênh mương để dự trữ nước phục vụ công tác PCCCR hàng năm do đó du khách có thể sử dụng mùa vụ du lịch một cách hài hòa với các mùa nhưng vẫn đảm bảo cho thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Vườn quốc gia.

1.1.4. Thủy văn

Vườn quốc gia U Minh Hạ được bao bọc bởi đê bao quanh khu vực, do đó không chịu ảnh hưởng trực tiếp của nhật triều biển Tây, hàng năm nước trong khu rừng phụ thuộc chủ yếu vào mùa mưa, lượng nước mưa được giữ lại bên trong. Không bị chịu ảnh hưởng của thủy triều do có hệ thống đê bao xung quanh. Vào mùa mưa nơi vồ cao thường không bị ngập nước hoặc chỉ ngập từ 10 - 20cm. Nơi trũng nước ngập trung bình từ 40 - 60cm so với mặt đất rừng.

Toàn khu vực Vườn quốc gia U Minh Hạ có tổng chiều dài các tuyến kênh là 136,2 km không thông thương với các tuyến đường thủy bên ngoài bởi các cống, đập và lộ giao thông. Ngoài ra còn có những trảng năng, dón, choại, ngập nước theo mùa.

1.1.5. Hiện trạng sử dụng đất**1.1.5.1. Hiện trạng sử dụng đất của Vườn quốc gia U Minh Hạ**

Theo phương án quản lý rừng bền vững được phê duyệt, tổng diện tích quản lý của Vườn quốc gia U Minh Hạ: 8.527,8 ha, trong đó:

- Phân theo loại rừng: đất rừng đặc dụng 8.527,8 ha.
- Phân theo chủ quản lý: đơn vị trực tiếp quản lý 8.527,8 ha.
- Phân theo đơn vị hành chính:
 - + Xã Đá Bạc : 4.100,0 ha;
 - + Xã Khánh An : 3.818,8 ha;
 - + Xã Khánh Lâm : 609,0 ha.
- Phân theo phân khu chức năng:
 - + Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt : 2.593,7 ha;
 - + Phân khu phục hồi sinh thái : 5.190,5 ha;
 - + Phân khu dịch vụ hành chính : 743,6 ha.

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất Vườn quốc gia U Minh Hạ

TT	Loại đất, loại rừng	Tổng diện tích tự nhiên (ha)	Phân theo xã		
			Xã Đá Bạc (ha)	Xã Khánh An (ha)	Xã Khánh Lâm (ha)
I	Tổng diện tích	8.527,80	4.100,00	3.818,80	609,00
1	Đất nông nghiệp	8.044,93	3.888,63	3.600,23	556,07
1.1	Đất lâm nghiệp	8.044,93	3.888,63	3.600,23	556,07
a	Đất có rừng	7.632,12	3.718,28	3.361,67	552,17
b	Đất không có rừng	412,81	170,35	238,56	3,9

TT	Loại đất, loại rừng	Tổng diện tích tự nhiên (ha)	Phân theo xã		
			Xã Đá Bạc (ha)	Xã Khánh An (ha)	Xã Khánh Lâm (ha)
2	Đất phi nông nghiệp	482,87	211,37	218,57	52,93
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	10,20	5,7	2,20	2,30
2.2	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	0	0	0	0
2.3	Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối	472,67	115,67	216,37	50,63

1.1.5.2. Phân tích đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất

Hiện trạng sử dụng đất, tình hình quản lý sử dụng đất thời gian qua của đơn vị dành việc bảo tồn hệ sinh thái rừng tràm trên đất than bùn là chính, kết hợp với phát triển du lịch sinh thái theo quy định của pháp luật, đúng quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt.

Thuận lợi: Diện tích rừng Vườn quốc gia U Minh Hạ được bảo vệ nghiêm ngặt và có đê bao bao quanh nên không có tranh chấp với dân cư trong khu vực. Ngoài ra, trong những năm qua việc sử dụng đất rừng đặc dụng ở Vườn quốc gia U Minh Hạ là ổn định, không để xảy ra tình trạng tranh chấp, lấn chiếm, với mục đích trọng tâm chủ yếu cho quản lý bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo tồn hệ sinh thái rừng tràm trên đất than bùn. Ngoài ra, đơn vị tranh thủ nguồn tài trợ từ các chương trình dự án cho phát triển rừng; đồng thời được sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự hỗ trợ các Sở, ngành tỉnh, hàng năm giúp đơn vị thực hiện hoàn thành tốt mục tiêu phát triển rừng theo chỉ tiêu, kế hoạch được giao, nhất là công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, từng bước phục hồi hệ sinh thái rừng tràm ngập lợ úng phèn, những diện tích đất chưa có rừng đã từng bước được phủ xanh rừng góp phần tăng độ che phủ rừng, cải thiện môi trường sinh thái, góp phần ứng phó biến đổi khí hậu.

1.1.6. Diện tích rừng

1.1.6.1. Tổng diện tích rừng và diện tích chưa có rừng quy hoạch cho Lâm nghiệp

a) Hiện trạng rừng phân theo nguồn gốc hình thành

Theo phương án quản lý rừng bền vững được phê duyệt, toàn bộ diện tích rừng của Vườn quốc gia U Minh Hạ là hệ sinh thái rừng tràm ngập lợ úng phèn với tổng diện tích 8.527,8 ha. Trong đó:

- Tổng diện tích rừng : 7.632,12 ha gồm:
 - + Diện tích rừng tự nhiên : 1.760,68 ha;
 - + Diện tích rừng trồng : 5.871,44 ha.

Bảng 2. Hiện trạng tài nguyên rừng tại Vườn quốc gia U Minh Hạ

TT	Phân loại rừng	Mã	Tổng diện tích rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú
I	RỪNG PHÂN THEO NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH	1100	7.632,12	
1	Rừng tự nhiên	1110	1.760,68	
	- Rừng nguyên sinh	1111	1.760,68	
	- Rừng thứ sinh	1112		
2	Rừng trồng	1120	5.871,44	
	- Trồng mới trên đất chưa có rừng	1121		
	- Trồng lại trên đất đã từng có rừng	1122	5.871,44	
	- Trồng lại sau khi khai thác rừng trồng đã có	1122		
	- Tái sinh tự nhiên từ rừng trồng đã khai thác	1123		
II	RỪNG PHÂN THEO ĐIỀU KIỆN LẬP ĐỊA	1200	7.632,12	
1	Rừng trên núi đất	1210		
2	Rừng trên núi đá	1220		
3	Rừng trên đất ngập nước	1230		
	- Rừng ngập mặn	1231		
	- Rừng trên đất phèn	1232	7.632,12	
	- Rừng ngập nước ngọt	1233		
4	Rừng trên cát	1240		
III	RỪNG GỖ TỰ NHIÊN PHÂN THEO TRỮ LƯỢNG	1400	1.760,68	
1	Rừng giàu	1410		
2	Rừng trung bình	1420	132,30	
3	Rừng nghèo	1430	1.628,38	
4	Rừng nghèo kiệt	1440		
5	Rừng chưa có trữ lượng	1450		
IV	DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG	2000	412,81	
1	Diện tích trồng chưa thành rừng	2010		
2	Diện tích khoanh nuôi tái sinh	2020		
3	Diện tích khác	2030	412,81	

b) Hiện trạng rừng theo các phân khu chức năng, kiểu rừng

Theo phương án quản lý rừng bền vững được phê duyệt, tổng trữ lượng rừng của Vườn quốc gia U Minh Hạ, cụ thể như sau:

Tổng trữ lượng rừng: 1.100.071 m³, trong đó:

- Rừng tự nhiên: 143.632 m³;

- Rừng trồng: 956.438 m³.

Bảng 3. Số liệu đo đếm các OTC trên các dạng lập địa

STT	Số hiệu OTC	Kinh độ	Vĩ độ	N cây/ha	D _{1,3} (cm)	H _{vn} (m)	M m ³ /ha
Rừng tự nhiên							
1	TN01	548091	1020241	940	6,1	2,5	135,6
2	TN02	548093	1019952	940	7,2	4,5	158,5
3	TN03	548463	1020139	320	8,0	4,8	60,6
4	TN04	54970	1023428	740	2,6	2,9	58,3
5	TN05	549920	1023044	570	0,8	1,2	28,7
6	TN06	549929	1023628	490	5,9	4,2	59,4
7	TN07	548985	1023541	400	4,3	4,4	39,8
8	TN08	548983	1023099	550	1,1	4,5	119,9
9	TN09	551930	1023950	650	5,4	4,1	73,4
Rừng Tràm trồng							
1	RT01	544131	1022744	8.000	7,9	7,7	164,1
2	RT02	544150	1022379	7.300	7,9	7,6	143,6
3	RT03	544159	1022100	8.100	7,9	7,9	101,0
4	RT04	551372	1018322	5.200	8,6	9,4	162,9
5	RT05	552203	1018360	5.500	8,2	7,4	125,7
6	RT06	551707	1018338	5.300	7,4	8,5	103,1
7	RT07	549787	1024366	4.400	7,2	8,2	76,8
8	RT08	550187	1024286	4.900	7,3	8,0	86,3
9	RT09	495476	1021099	6.100	10,3	11,5	321,4
10	RT10	495529	1021280	5.400	8,0	10,0	164,6
11	RT11	497987	1023929	6.000	0,2	11	332,1
12	RT12	497660	1023911	4.500	10,1	11,4	249,7
13	RT13	496712	1023902	3.100	7,6	7,8	63,44
14	RT14	498439	1024001	4.900	10,2	11,3	278,9
15	RT15	497432	1021189	5.400	8,2	11,1	175,8
16	RT16	491717	1019735	4.100	8,1	12,8	165,9
17	RT17	494841	1017564	4.900	9,3	7,3	138,6
18	RT18	496447	1020517	2.800	9,3	7,9	87,4

1.1.6.2. Hiện trạng phân bố lâm sản ngoài gỗ

Theo định nghĩa tại Cẩm nang ngành lâm nghiệp Việt Nam (18/8/2018) thì “Lâm sản ngoài gỗ bao gồm những sản phẩm có nguồn gốc sinh vật không phải gỗ được người ta khai thác từ rừng để sử dụng”.

Tuy nhiên Vườn quốc gia U Minh Hạ không có khai thác các sản phẩm ngoài gỗ để sử dụng.

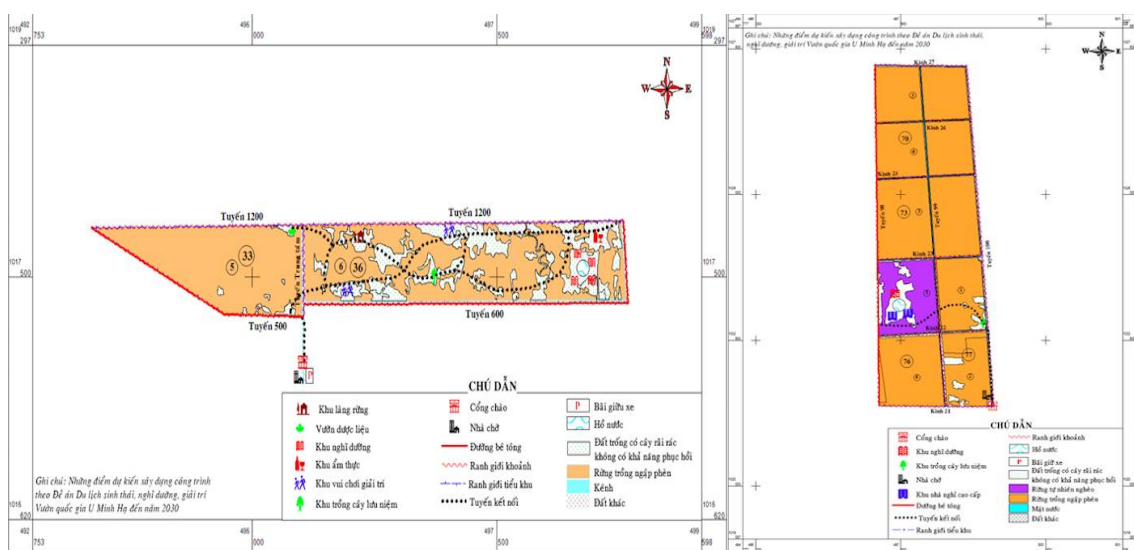
1.1.6.3. Hiện trạng các phân khu sử dụng cho mục đích tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí

Trên cơ sở Phương án Quản lý rừng bền vững được phê duyệt, Vườn quốc gia U Minh Hạ quy hoạch các phân khu dự kiến tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí với tổng diện tích: 1.318,5 ha, trong đó:

+ Toàn bộ phân khu dịch vụ hành chính: 743,6 ha (TK5, TK6, K3 và K6 - TK76, TK77).

+ Một phần phân khu phục hồi sinh thái: 574,9 ha (K3 và K6 - TK70, K3 - TK73).

Tổng diện tích đất không có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp: 412,81 ha, trong đó: Diện tích đất trống, trảng cỏ, đất có cây bụi không có khả năng phục hồi rừng để thực hiện các công trình phục vụ cho phát triển du lịch sinh thái: 124,98 ha (*chi tiết có biểu thống kê kèm theo*).



Hình 2: Bản đồ đất trống, trảng cỏ, cây bụi không khả năng thành rừng tại các tiểu khu: TK 5, TK 6, K3; 6 - TK 76 và TK 77

1.1.7. Đa dạng sinh học

- U Minh Hạ là Hệ sinh thái rừng ngập lợ úng phèn nên thảm thực vật rừng ở U Minh Hạ thuộc kiểu rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới, kiểu phụ thô nhưỡng úng nước phèn. Hình thành trong điều kiện ngập nước, đất chua. Đây là quần thể thực vật rừng lá cứng sau rừng ngập mặn, trong đó loài Tràm (*Melaleuca cajuputii*) thuộc họ Sim (*Myrtaceae*) là cây bản địa của vùng Đông

Nam Á chiếm ưu thế. Đây thực sự là một bảo tàng sinh thái sống về các loài thực vật thuộc hệ sinh thái rừng ngập của khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung.

Vườn quốc gia U Minh Hạ là vùng rừng Tràm trên đất than bùn rất nổi tiếng ở đồng bằng sông Cửu Long. Đây là dạng đất ngập nước độc đáo, là nơi cư trú của nhiều loài động vật hoang dã, có giá trị bảo tồn cao, đã và đang được các tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế quan tâm bảo vệ. Than bùn là loại khoáng chất đã được hình thành qua hàng ngàn năm trong điều kiện ngập nước, yếm khí, không có tác động của con người, nếu tác động bị mất đi sẽ không thể tái tạo lại được hoặc phải trải qua một thời gian dài với những điều kiện tương tự.

* Hệ thực vật

- Khu vực Vườn quốc gia U Minh Hạ có 176 loài cây cỏ tự nhiên thuộc 65 chi, 36 họ thực vật khác nhau. Thành phần loài trong rừng tràm đơn giản, các loài cây gỗ tiêu biểu gồm: Tràm (*Melaleuca cajuputii*), Bù (*Ilex cymosa*), Trâm khế (*Syzygium lineatum*), Móp (*Alstonia spathulata*), Trâm rộng (*Syzygium oblata*); cây bụi gồm: Mua láng (*Melastoma affine*), Mật cật gai (*Licuala spinosa*), Bòng bong (*Lygodium japonicum*), Dấu dầu ba lá (*Evodia lepta*); thảo tươi gồm: Sậy (*Phragmites vallatoria*), Năng (*Eleocharis dulcis*), Dây choại (*Stenochlaena palustris*), Dớn (*Blechnum orientale*), Mây nước (*Flagellaria indica*).

* Hệ động vật rừng

Thảm thực vật ngập nước đã tạo nơi cư trú thuận lợi cho nhiều loài động vật hoang dã. Các kết quả nghiên cứu của Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật về hệ động vật hoang dã ở rừng Tràm trên đất than bùn ở vùng U Minh từ năm 2000 đến năm 2006 đã thống kê được 23 loài thú, thuộc 13 họ, trong 8 bộ, gồm bộ thú ăn sâu bọ có 01 loài; bộ thú nhiều răng có 01 loài; bộ dơi 7 loài; bộ Linh trưởng có 01 loài; bộ thú ăn thịt 10 loài; bộ móng guốc chẵn 01 loài; bộ tê tê 01 loài; bộ gặm nhấm 10 loài.

Các loài thú có giá trị khoa học là Tê tê Java (*Manis javanica*); Rái cá vuốt bé (*Aony cinerea*); Rái cá lông mũi (*Lutra sumatrana*); Cây giông (*Viverra zibetha*), Cây hương (*Viverricula indica*); Mèo rừng (*prionailurus bengalensis*), Mèo cá (*Prionailurus (Felis) viverrinus*), Dơi chó tai ngắn (*Cynoterus branchyotis*), Dơi ngựa lớn (*Pteropus vampirus*).

Các loài chim nước di cư gồm: Diệc lửa (*Ardea purpurea*), Cò bọ (*Ardeola bacchus*), Le hôi (*Tachybaptus ruficollis*) là những loài có vùng làm tổ ở phương Bắc như Nhật, Trung Quốc, Nga. Các loài Cò, Diệc, lele chơi chơi thường xuất ven kênh rạch, đầm nước, bãi trống trong vùng.

Già đầy Java (*Leptoptilos javanicus*) và Hạc cổ trắng (khuang cổ) (*Cionia episcopus*) phân bố tại các vùng mở rộng sang phía các phân trường Trần Văn Thời (công ty LN U Minh Hạ), U Minh III (cũ). Các loài chim đang bị đe dọa tuyệt chủng trên thế giới được ghi nhận ở đây là Chàng bè (*Pelecanus*

onocrotalus), Già đái Java (*Leptoptilos javanicus*), Diệc (*Adea sp*), Le khoang cổ (*Xenerhynchus asiaticus*).

Các loài lưỡng cư (*Amphibia*) và bò sát (*Reptilia*) rất phổ biến trong rừng Tràm U Minh Hạ. Số liệu điều tra mới đây đã thống kê được 11 loài lưỡng thê và 36 loài bò sát. Phần lớn các loài lưỡng thê thuộc Bộ không đuôi (*Amura*) như: Ếch giun (*Ichthyophis glutinosus*), Cóc nước (*Oocdozyga iima*). Các loài bò sát chủ yếu thuộc Bộ có vảy (*Squamata*) như: Trăn gấm (*Python reticulatus*); Rắn hổ ngựa (*Elophe radiata*), Rắn hổ chúa (*Ophiophagus hannah*).

*** Tài nguyên thủy sản**

Rừng Tràm U Minh Hạ là nơi sinh sống của nhiều loài cá nước ngọt như cá Lóc đen (*Channa striata*), cá Rô đồng (*Anabas testudineus*), cá Trê vàng (*Clarias macrocephalus*), cá Thát lát (*Notopterus notopterus*), cá Sặc rằn (*Trichogaster pectoralis regan*). Những kết quả khảo sát cho thấy thành phần thủy sản ở vườn quốc gia U Minh Hạ có khoảng 37 loài cá thuộc 19 họ. Trong đó có 9 loài cá kinh tế là các loài cá Rô đồng (*Anabas testudineus*); Thát lát (*Notopterus notopterus*); Lóc (*Channa striata*); Dày (*Channa lucius*); Lóc bông (*Channa micropeltes*), Sặc rằn (*Trichogastes pectoralis*); Sặc bươm (*Trichopterus trichopterus*); Trê vàng (*Clarias macrocephalus*); Trê trắng (*Clarias batrachus*). Trong các loài cá trên có 2 loài được xếp vào sách đỏ Việt Nam gồm cá Trê trắng (*Clarias batrachus*); cá Còm (*Chitala ornata*). Mức độ đe dọa các loài nói trên ở bậc T (bị đe dọa), do đó cần có biện pháp bảo vệ đối tượng cá này.

Theo kết quả nghiên cứu của Vườn quốc gia U Minh Hạ (năm 2015) các loài thực vật, thú và bò sát quý hiếm hiện có như sau:

TT	Loài		Tình trạng bảo tồn					Khu vực có thể quan sát	Ghi chú
	Tên khoa học	Tên việt Nam	IUCN	Sách đỏ Việt Nam (2007)	NĐ06	NĐ160	CITES		
01	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>	Cầy vòi hương			IIB/19		Phụ lục III	Trên toàn lâm phần	
02	<i>Viverricula indica</i>	Cầy hương	LC		IIB/17		Phụ lục III	Trên toàn lâm phần	
03	<i>Viverra zibetha</i>	Cầy giông	NT		IIB/16		Phụ lục III	Trên toàn lâm phần	
04	<i>Herpestes javanicus</i>	Cầy lón trạnh					Phụ lục III	Trên toàn lâm phần	
05	<i>Herpestes urva</i>	Cầy móc cua					Phụ lục III	Trên toàn lâm phần	
06	<i>Amblonyx (Aonyx) cinerea</i>	Rái cá vuốt bé	VU	VU	IB/25	X	Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
07	<i>Lutrogale (Lutra) perspicillata</i>	Rái cá lông mượt	VU	EN	IB/23	X	Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
08	<i>Lutra sumatrana</i>	Rái cá lông mũi	EN	EN	IB/26	X	Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
09	<i>Lutra lutra</i>	Rái cá thường	NT	VU	IB/24	X	Phụ lục I	Trên toàn lâm phần	
10	<i>Prionailurus (Felis) bengalensis</i>	Mèo rừng	LC		IIB/22		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
11	<i>Prionailurus (Felis) viverrinus</i>	Mèo cá	EN	EN	IB/33	X	Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
12	<i>Manis javanica</i>	Tê tê Java	CR	EN	IB/46	X	Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
13	<i>Cynopterus brachyotis</i>	Dơi chó Tai ngắn		VU				Trên toàn lâm phần	
14	<i>Pteropus vampyrus</i>	Dơi ngựa lớn	NT		IIB/4		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
15	<i>Pteropus lylei</i>	Dơi quạ	VU				Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
16	<i>Callosciurus finlaysonii</i>	Sóc đỏ		LR				Trên toàn lâm phần	
17	<i>Cervus unicolor</i>	Nai	VU	VU	IIB/25			Trên toàn lâm phần	
18	<i>Macaca fascicularis</i>	Khỉ đuôi dài	LC	LR	IIB/10		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
19	<i>Ompok bimaculatus</i>	Cá Trê bầu	NT					Trên toàn lâm phần	
20	<i>Clarias macrocephalus</i>	Cá Trê vàng	NT					Trên toàn lâm phần	
21	<i>Betta splendens</i>	Cá Lia thia	VU					Trên toàn lâm phần	

TT	Loài		Tình trạng bảo tồn					Khu vực có thể quan sát	Ghi chú
	Tên khoa học	Tên việt Nam	IUCN	Sách đỏ Việt Nam (2007)	ND06	ND160	CITES		
22	<i>Notopterus chitala</i>	Cá Còm	LC	VU				Trên toàn lâm phần	
23	<i>Anhinga melanogaster</i>	Điêng điển	NT	VU		X		Trên toàn lâm phần	
24	<i>Tyto alba</i>	Cú lợn lưng xám	LC		IIB/39		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
25	<i>Phodilus badius</i>	Cú lợn rừng	LC		IIB/39		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
26	<i>Otus sunia modestus</i>	Cú mèo nhỏ	LC		IIB/39			Trên toàn lâm phần	
27	<i>Ketupa flavipes</i>	Dù di hung	LC		IIB/39			Trên toàn lâm phần	
28	<i>Leptoptilos javanicus</i>	Già đầy Java	VU	VU	IB/56	X		Trên toàn lâm phần	
29	<i>Butastur indicus</i>	Diều Ấn Độ	LC		IIB/40			Trên toàn lâm phần	
30	<i>Circus aeruginosus</i>	Diều đầu trắng	LC		IIB/40		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
31	<i>Milvus migrans</i>	Diều hâu	LC		IIB/40		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
32	<i>Spilornis cheela</i>	Diều hoa Miến Điện	LC		IIB/40			Trên toàn lâm phần	
33	<i>Elanus caeruleus</i>	Diều trắng	LC		IIB/40			Trên toàn lâm phần	
34	<i>Varanus salvator</i>	Kỳ đà hoa	LC	EN	IIB/53		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
35	<i>Varanus bengalensis</i>	Kỳ đà vân	LC	EN	IB/82		Phụ lục I	Trên toàn lâm phần	
36	<i>Bungarus fasciatus</i>	Rắn cạp nong	LC	EN				Trên toàn lâm phần	
37	<i>Ophiophagus hannah</i>	Rắn hổ chúa	VU	CR	IB/83	X	Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
38	<i>Naja naja</i>	Rắn hổ mang	LC	EN			Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
39	<i>Naja siamensis</i>	Rắn hổ mang xiêm	VU		IIB/56		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
40	<i>Ptyas mucosus</i>	Rắn hổ hèo		EN				Trên toàn lâm phần	
41	<i>Ptyas korros</i>	Rắn lải		EN				Trên toàn lâm phần	
42	<i>Elaphe radiata</i>	Rắn sọc dưa		EN				Trên toàn lâm phần	
43	<i>Enhydrys bocourti</i>	Rắn ri tượng	LC	VU				Trên toàn lâm phần	
44	<i>Mauremys mutica</i>	Rùa câm	EN		IIB/73		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
45	<i>Heosemys grandis</i>	Rùa đất lớn	VU	VU	IIB/70		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
46	<i>Cuora amboinensis</i>	Rùa hộp lưng đen	VU	VU	IIB/63		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
47	<i>Heosemys annandalii</i>	Rùa rặng	EN	EN	IIB/69		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
48	<i>Malayemys subtrijuga</i>	Rùa ba gờ	VU	VU	IIB/71		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
49	<i>Gekko gecko</i>	Tắc kè		VU				Trên toàn lâm phần	
50	<i>Python reticulatus</i>	Trăn gấm		CR	IIB/60		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
51	<i>Python molurus</i>	Trăn mốc	VU	CR	IIB/59		Phụ lục II	Trên toàn lâm phần	
52	<i>Asplenium confusum</i>	Ráng U Minh		DD				Rừng tự nhiên	
53	<i>Licuala spinosa</i>	Mật cật gai		DD				Rừng tự nhiên	
54	<i>Hydnophyllum formicarum</i>	Bí kỳ nam		EN				Rừng tự nhiên	
55	<i>Nepenthes mirabilis</i>	Nắp ấm					Phụ lục II	Rừng tự nhiên	
56	<i>Alstonia spathulata</i>	Mốp		DD				Rừng tự nhiên	

(Nguồn: Vườn Quốc gia U Minh Hạ)

1.1.8. Cảnh quan thiên nhiên

- Thảm thực vật rừng ở U Minh Hạ thuộc kiểu rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới, kiểu phụ thổ nhưỡng úng nước phèn. Hình thành trong điều kiện ngập nước, đất chua. Đây là quần thể thực vật rừng lá cứng sau rừng ngập mặn, trong đó loài Tràm (*Melaleuca cajuputii*) thuộc họ Sim (*Myrtaceae*) là cây bản địa của vùng Đông Nam Á chiếm ưu thế. Đồng thời trong Vườn quốc gia U Minh Hạ còn khoảng 1.761 ha rừng nguyên sinh, đi vào rừng nguyên sinh sẽ bắt gặp những sân nai, những vỏ lan càm cù, những cây mốp cổ thụ ...

Toàn khu vực Vườn quốc gia U Minh Hạ có tổng chiều dài các tuyến kênh là 136,2 km không thông thương với các tuyến đường thủy bên ngoài bởi các

công, đập và lộ giao thông. Ngoài ra còn có những trảng năng, dón, choại, ngập nước theo mùa.



Hình 3: Một số hình ảnh cảnh vật thiên nhiên trong VQG

- Vườn quốc gia U Minh Hạ rất đa dạng và phong phú về động vật lẫn thực vật (cây cảnh, cây thuốc, cây trong sách đỏ...). Ngoài ra, đây là vùng đất ngập nước theo mùa nên sinh cảnh rừng tràm U Minh Hạ có nhiều vùng sinh thái rất phù hợp cho việc du lịch sinh thái như: đi câu cá, chèo thuyền trên các kênh rạch, tham quan rừng nguyên sinh, xem gác kèo ong ngắm nhìn nhưng tổ ong mật, xem thú rừng, xem chim, thưởng thức những buổi cơm gia đình bằng những loại đặc sản của rừng (lẩu lươn, lươn um, cá nướng, cá kho tộ...).

- Ở nước ta, đất than bùn chỉ còn tập trung ở vùng U Minh, ước tính hiện nay còn khoảng hơn 10 ngàn ha tập trung ở khu rừng Tràm. Riêng mỏ than bùn ở U Minh Hạ thuộc loại mỏ đầm lầy ven biển cổ. Tổng diện tích đất than bùn ở

vùng này khoảng 6.000 ha. Hiện nay rừng Tràm đã tái sinh tự nhiên và phục hồi trên diện tích than bùn cháy. Do đó, một trong các chức năng quan trọng của Vườn quốc gia U Minh Hạ là bảo tồn hệ sinh thái vùng đất ngập nước than bùn. Đây là loại tài nguyên đặc hữu của vùng U Minh Hạ, là một dạng đất ngập nước đặc thù cần được bảo tồn.

1.2. Dân sinh, kinh tế - xã hội và tiềm năng du lịch văn hoá

1.2.1. Dân sinh

1.2.1.1. Dân số

Tính đến năm 2025 (sau sáp nhập), dân số toàn tỉnh Cà Mau là 2.606.672 người, mật độ dân số đạt 328 người/km², trong đó dân số sống tại thành thị 533.280 người, dân số sống tại nông thôn 2.073.392 người. Dân số nam 1.308.880 người, dân số nữ là 1.297.792 người (dân số nam nhiều hơn dân số nữ 5.544 người tương đương 0,45%), đối với vùng U Minh và Trần Văn Thời thống kê trong bảng sau:

Bảng 4. Dân số và mật độ dân số vùng đệm

Xã	Diện tích (Km²)	Dân số trung bình (Người)	Mật độ dân số (Người/km²)
Tổng số toàn tỉnh	7.942,39	2.606.672	328
Đá Bạc	211,90	41.022	194
Khánh An	177,70	27.170	154
Khánh Lâm	208,20	38.880	187
Nguyễn Phích	245,00	37.330	152
U Minh	145,00	32.991	228

(Nguồn: Cục thống kê tỉnh Cà Mau)

Bảng 5. Diện tích, dân số các xã tiếp giáp Vườn quốc gia U Minh Hạ

Tên các xã (vùng đệm)	Diện tích (km²)	Số hộ (hộ)	Dân số (người)	Dân số (nữ)	Mật độ dân (người/km²)
Xã Khánh Lâm	208,20	7.785	38.880	17.659	187
Xã Khánh An	177,70	5.680	27.170	14.517	154
Xã Đá Bạc	211,90	8.080	41.022	18.205	194

(Nguồn: Cục thống kê tỉnh Cà Mau)

1.2.1.2. Dân tộc

Vùng U Minh Hạ có tỷ lệ dân tộc thiểu số cao, chủ yếu là dân tộc Khmer, có khoảng 4.800 người, chiếm hơn 4,86% tập trung ở các xã Khánh Lâm và Nguyễn Phích. Mật độ dân số trung bình khoảng 183 người/km² (bình quân của tỉnh là 328 người/km²), tuy nhiên phân bố mật độ dân ở các xã không đều, xã có rừng mật độ dân khá thấp, như tại Nguyễn Phích 152 người/km² và Khánh An bình quân 154 người/km².

1.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

1.2.2.1. Lao động

Số lao động trong độ tuổi của vùng 55.538 người tại U Minh Hạ, chiếm 55,6 % dân số, trong đó lao động nông nghiệp chiếm trên 84,7 %, lao động chuyên sản xuất công nghiệp và dịch vụ chiếm 13% (nếu tính lao động nông nghiệp kết hợp dịch vụ thì khoảng 30%). Nhìn chung, độ tuổi lao động trẻ, tuy nhiên do trình độ văn hóa thấp, chủ yếu là lao động thủ công chưa qua đào tạo nên đào tạo nghề đang là một nhu cầu rất cần để phát triển nguồn lao động này. Ngoài ra, lao động nữ còn chưa được sử dụng hữu ích do tập trung nhiều vào nội trợ gia đình.

1.2.2.2. Văn hóa, giáo dục

Toàn vùng U Minh Hạ có 117 trường, bao gồm 8 trường mầm non, 75 trường tiểu học, 27 trường trung học cơ sở và 7 Trường PTTH. Mạng lưới các trường tiểu học, THCS và THPT được bố trí khá hợp lý trong vùng, riêng U Minh đối với khối THPT đạt tỷ lệ 3 đơn vị cấp xã /trường. Tỷ lệ học sinh các cấp có giảm so với những năm trước, điều này cho thấy số học sinh trong quá độ tuổi đến trường giảm dần, đây là kết quả tiến bộ của công tác phổ cập giáo dục ở các cấp. Độ ngũ giáo viên cũng được chuẩn hóa đảm bảo yêu cầu và quản lý giáo dục. Cơ sở vật chất và thiết bị trường học cũng đã được quan tâm đầu tư xây dựng, thực hiện tốt chương trình kiên cố hóa trường học, xóa xã trắng về trường mầm non và phổ cập mẫu giáo 5 tuổi.

1.2.2.3. Tỷ lệ nghèo

U Minh được biết đến là vùng có tỷ lệ hộ dân nghèo cao nhất của tỉnh Cà Mau, tỷ lệ nghèo tại U Minh (2019) là 9,5%, tại khu vực Trần Văn Thời 7,8% . Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng nghèo là do cơ sở hạ tầng còn thấp kém, hệ thống giao thông khó khăn, các dịch vụ y tế, giáo dục bị hạn chế. Ngày nay, diện mạo kinh tế xã hội vùng đã có nhiều đổi khác, với sự phát triển đúng hướng của chính quyền địa phương, sự giúp sức của Nhà nước qua các chương trình 134, 135 và các dự án của các tổ chức quốc tế, đặc biệt các dự án phục hồi rừng sau cháy và dự án hỗ trợ cộng đồng bị tổn thương sau vụ cháy rừng tại U Minh Hạ. Tỷ lệ hộ nghèo đã giảm đi khá rõ rệt. Theo đánh giá hiện nay vùng U Minh Hạ chỉ còn 5,9 % hộ nghèo. Tỷ lệ hộ sử dụng điện 2018 - 2019 tăng từ 75 - 85,4%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em giảm từ 8% năm 2018 xuống còn 7% năm 2019. Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn thành thị được sử dụng nước sạch lên 96,5%. Những hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn đã được trợ giúp qua các chương trình xây nhà cho người nghèo, nhà “tình thương”. Tạo công ăn việc làm cho lao động, giải ngân vốn cho hộ người dân tộc Khmer mua đất, chuộc đất,

mua sắm công cụ, tư liệu sản xuất vv...

1.2.2.4. *Phát triển cơ sở hạ tầng*

- Thông tin liên lạc:

Hoạt động của đài truyền thanh với tổng thời lượng tiếp âm, phát sóng trong năm 2019 lên đến 2.018 giờ, đạt 102% kế hoạch. Trong đó thời lượng tiếp đài tiếng nói Việt Nam và đài phát thanh - truyền hình tỉnh tới 1.483 giờ, đài địa phương hơn 534 giờ. Chất lượng thông tin đã cung cấp kịp thời những tin tức cần thiết cho cộng đồng. Tỷ lệ các hộ có điện thoại sử dụng ngày càng tăng đến nay có 100% hộ dân đã sử dụng điện thoại di động. Hoạt động phát hành báo chí được quan tâm đảm bảo nhu cầu bưu chính của vùng.

- Sử dụng điện

Đến nay, tại khu vực U Minh, tổng số hộ sử dụng điện đạt 97,4% số hộ và khu vực Trần Văn Thời là 99,09 %. Cả hai khu vực đều có các trạm điện trung và hạ thế với lưới điện tương đối hoàn chỉnh. Đây là điểm rất đáng ghi nhận trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của vùng trong những năm qua, nó đã cải thiện đáng kể đời sống cộng đồng trong sinh hoạt và sản xuất.

1.2.2.5. *Kinh tế*

Thu nhập bình quân đầu người 11,8 triệu đồng/năm tổng giá trị tăng thêm trên địa bàn theo giá thực tế ước đạt khoảng 2.215 tỷ đồng, tương đương khoảng 640 USD.

Nguồn thu nhập chính: Nguồn thu nhập chính của cộng đồng tại vùng UMH chủ yếu vẫn là sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp.

Cơ cấu thu nhập của các hộ dân cho thấy 81,5 % thu nhập từ nghề nông - lâm - ngư nghiệp. Thu nhập từ làm thuê cũng chiếm tỷ lệ khá cao 11,6%, cho thấy người dân ở đây còn nghèo, cuộc sống chưa ổn định. Phần thu nhập từ dịch vụ, lương và các ngành nghề khác chiếm tỷ lệ nhỏ (7%). Mức độ giàu nghèo của dân cư trong vùng đem được chia thành 3 mức độ:

- Nhóm hộ khá, giàu (có tích lũy) : 598 hộ;
- Nhóm hộ trung bình (đủ ăn) : 2.639 hộ;
- Nhóm hộ nghèo (thiếu ăn) : 310 hộ;
- Số hộ sống trong vườn quốc gia : 0 hộ.

1.2.2.6. *Xã hội*

Lâm phần mang đặc thù của vùng sông nước, dân cư sinh sống không tập trung, phân bố chủ yếu theo các tuyến ven sông rạch, mật độ trình độ dân trí còn thấp. Do vị trí là vùng nông thôn nên cũng xuất hiện nhiều tệ nạn xã hội nhưng vẫn chưa có những vụ việc nghiêm trọng nào xảy ra.

Về giáo dục: Là khu vực vùng sâu vùng xa điều kiện học tập rất khó khăn; hiện tại trên địa bàn đơn vị chỉ có 03 điểm trường, mặc dù phòng học còn thiếu

song cũng đã phân nào giải quyết được nhu cầu học tập cho con em các hộ dân trên địa bàn.

Về y tế: Trên lâm phần của đơn vị hiện có 01 trạm Y tế; nhưng phần lớn người dân trong địa bàn của đơn vị khi bị bệnh thường đi điều trị ở Trung tâm Y tế Trần Văn Thời hoặc bệnh viện đa khoa Cà Mau.

Các hộ dân trên địa bàn khoảng 70% đã xây dựng nhà cơ bản, còn lại là nhà bán cơ bản và nhà tạm; khoảng 90% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia. Về giao thông, đường thủy là phương thức giao thông phổ biến trên lâm phần. Do vị trí gần như biệt lập với các trung tâm xã nên đường bộ chưa phát triển, chủ yếu là đường liên ấp nhỏ hẹp không thể đi ô tô được. đây cũng là điểm bất lợi trong việc phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội trong vùng.

*** Nhận xét chung**

- Các yếu tố tích cực:

+ Dân cư sống ven lâm phần (khu vực vùng đệm) có đời sống ổn định, các hộ dân được giao đất giao rừng theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP để ổn định sản xuất đã hạn chế được tình trạng di dân tự do trên khu vực, đời sống các hộ dân dần dần ổn định, giảm thiểu áp lực vào lâm phần Vườn quốc gia U Minh Hạ như: phá rừng, săn bắt động vật rừng,...để giải quyết nhu cầu sinh kế người dân khu vực. Ngoài ra, trật tự An ninh - Quốc phòng vững chắc là điều kiện thuận lợi đối với công tác bảo vệ rừng.

+ Cơ cấu kinh tế địa phương hợp lý, mô hình sản xuất Nông - Lâm - Ngư kết hợp bền vững đã phát huy được lợi thế tiềm năng và mang lại hiệu quả, thu nhập bình quân đầu người dần được cải thiện và tiếp tục tăng. Đặc biệt, thu nhập từ hoạt động kinh tế lâm nghiệp phát triển đã giúp người dân quan tâm hơn đến việc trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, đây cũng là một trong các điều kiện thuận lợi cho nhiệm vụ phát triển rừng của đơn vị.

+ Nguồn lực lao động đơn vị đảm bảo, kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông thôn địa phương đang từng bước được cải thiện, tạo môi trường thuận lợi để triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng;

- Các yếu tố tiêu cực:

+ Dân cư sống phân tán, vẫn còn một tỷ lệ hộ nghèo chủ yếu sống bám vào rừng nên việc cập nhật, tiếp thu và chấp hành pháp luật của nhà nước còn hạn chế;

+ Thu nhập từ khai thác rừng là khá cao nhưng lại không thường xuyên. Người dân chưa thấy được vai trò của rừng trong sinh kế nên chưa thật sự quan tâm đến việc phát triển rừng;

+ Kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông thôn phát triển chậm, trình độ dân trí còn thấp, lao động phổ thông là chủ yếu nên việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn rất hạn chế;

+ Thu nhập của công chức, viên chức còn thấp, không được phụ cấp nghề nên chưa thu hút được lao động có chuyên môn tốt về đơn vị công tác.

*** Nguyên nhân**

- Trình độ nhận thức của người dân trong khu vực còn thấp, chưa nhận thức sâu sắc về tác dụng của việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, cũng như các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, phát triển du lịch sinh thái.

- Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác phát triển rừng còn hạn chế, việc phát triển rừng chủ yếu là lao động phổ thông; sản xuất nông lâm ngư kết hợp còn theo phương thức truyền thống, lạc hậu chưa mang lại hiệu quả cao trong kinh tế lâm nghiệp.

- Ngoài ra, lâm phần Vườn quốc gia U Minh Hạ có diện tích tương đối lớn, phân bố trên hệ thống sông rạch chằng chịt, lực lượng quản lý còn thiếu, còn yếu gây khó khăn cho công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển du lịch.

1.2.3. Tiềm năng du lịch văn hóa

Rừng tràm ở U Minh Hạ đã in đậm khí phách hào hùng của những cuộc đấu tranh cách mạng chống áp bức, chống giặc ngoại xâm. Đó là lịch sử đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, chống Pháp, chống Mỹ đầy hy sinh, gian khổ, đau thương, bất khuất và rất hào hùng qua nhiều thế hệ. Nhiều thế hệ chiến sĩ cách mạng ưu tú, nhiều đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta đã từng sống và chiến đấu ở đây.

Rừng U Minh là một vùng địa lý đặc thù đã ghi dấu ấn sâu sắc trong tiềm thức và tình cảm của nhân dân Nam Bộ nói riêng và người Việt Nam nói chung, bởi U Minh là căn cứ kháng chiến chống Pháp của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực (1868), của hai anh em Đỗ Thừa Luông và Đỗ Thừa Tự (1872). Đặc biệt là từ khi có Đảng lãnh đạo (1930 - 1975) rừng U Minh Hạ là một vùng căn cứ địa cách mạng của Nam Bộ trong suốt hai thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, góp phần to lớn trong cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước. Để giành được chiến thắng quân và dân U Minh đã vượt qua bao khó khăn gian khổ, đem hết sức người, sức của, anh dũng chiến đấu để bảo vệ cơ sở cách mạng, bảo vệ căn cứ.

Ngoài ra, Vườn quốc gia U Minh Hạ còn có một số di tích lịch sử như công binh xưởng, trạm quân y, hầm bí mật, làng rừng (giai đoạn 1958 - 1960). Đây cũng chính là các di tích đang được lập hồ sơ và phục dựng lại để đưa vào phục vụ tham quan du lịch.

Vườn quốc gia U Minh Hạ có các làng nghề truyền thống, các đặc sản có nguồn gốc từ hệ sinh thái rừng tràm như nghề gác kèo ong. Nếu chúng ta khéo léo trong việc kết hợp các làng nghề truyền thống, các đặc sản của rừng tràm và tái hiện lại làng rừng xưa sẽ góp phần cho du lịch sinh thái sinh động và hiệu quả.

1.3. Giao thông

1.3.1. Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực

Qua thống kê, hệ thống giao thông đường bộ trong Vườn quốc gia U Minh Hạ là 88,3 km. Trong đó chiều dài của hệ thống giao thông chính được thống kê.

Bảng 6. Hệ thống giao thông đường bộ Vườn quốc gia U Minh Hạ

TT	Loại hình	Chiều dài (km)	Ghi chú
1	Trải nhựa	26,1	
2	Bê tông	51,7	PM3 (9,7 m)
3	Đường đất đen	10,5	

1.3.2. Hệ thống giao thông đường thủy

Hệ thống kênh rạch Vườn quốc gia U Minh Hạ có tổng chiều dài 136,2 km và được bố trí trên các trục chính và đê bao trong của Vườn quốc gia U Minh Hạ vừa phục vụ giao thông đường thủy cho tuần tra, quản lý bảo vệ rừng vào mùa mưa và dự trữ nước cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng vào mùa khô.

Mực nước trung bình thấp nhất ở lòng kênh vào mùa khô ở phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 2,28 m vào 26/4/2019 (thời điểm ghi nhận số liệu mực nước là 2,64 m vào 01/3/2019); Phân khu Phục hồi sinh thái là 2,10 m vào 26/4/2019 (thời điểm ghi nhận số liệu mực nước là 2,47 m vào 01/3/2019). Mực nước trung bình cao nhất trong năm vào thời điểm chưa thực hiện các biện pháp xả nước, chống úng tại Vườn quốc gia U Minh Hạ (04/7/2019) tại Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt là 3,02 m; phân khu phục hồi sinh thái là 2,73 m.

Nhận xét chung:

- Nội vùng: Nhìn chung, phương thức giao thông chủ đạo trong giai đoạn hiện nay của Vườn quốc gia U Minh Hạ là đường bộ và đường thủy do có đê bao bao quanh. Hiện nay Vườn quốc gia U Minh Hạ đang tiếp tục đầu tư vào hệ thống giao thông đường bộ và hằng năm bảo trì các tuyến kênh phục vụ công tác tuần tra và phòng cháy chữa cháy rừng. Tuy nhiên, đối với các tuyến đường đất đen chỉ di chuyển được vào mùa khô khi đơn vị thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy rừng. Ngoài ra, các loài thực vật thủy sinh sống trên các tuyến kênh như: bèo, lục bình,... phát triển rất mạnh làm cho công tác bảo trì các tuyến kênh rất khó khăn và tốn kém. Do đó lưu thông đường thủy cũng bị ảnh hưởng.

- Ngoại vùng: Xung quanh Vườn quốc gia các ấp ven lâm phần nhìn chung hệ thống thủy lợi các kênh rạch đã được sên vét đảm bảo cho lưu thông thủy dễ dàng. Đường bộ cũng được quan tâm của của các cấp chính quyền, cơ bản là lộ đan nối liền ấp, xã rất thuận lợi cho việc lưu thông của người dân cũng như phục vụ cho công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và du lịch trên lâm phần.

Ngày nay, với sự cố gắng của nhân dân và chính quyền địa phương cùng sự hỗ trợ của các nguồn kinh phí khác nhau trong nước và quốc tế, cơ sở hạ tầng

đã được cải thiện đáng kể. Đó là hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, hệ thống cung cấp điện, mạng lưới thông tin liên lạc, cơ sở trường học, trạm y tế được đầu tư xây dựng, diện mạo U Minh Hạ ngày càng phát triển đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình di chuyển trong vùng, góp phần cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội ngày càng thuận tiện hơn.

1.4. Hiện trạng hoạt động du lịch

Tỉnh Cà Mau có tổng diện tích rừng khá lớn với tính đa dạng sinh học cao, có giá trị đối với hoạt động du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái gồm các hệ sinh thái đất ngập nước và các sân chim. Các hệ sinh thái đất ngập nước rất đặc thù và phong phú về mặt đa dạng sinh học: Vườn quốc gia U Minh Hạ, Vườn quốc gia Mũi Cà Mau, sân chim Đầm Dơi... Trong chiến tranh chống Mỹ, rừng U Minh là căn cứ kháng chiến của quân và dân giải phóng vùng đất Cà Mau.

Hiện nay, ngoài diện tích 8.527,8 ha rừng đặc dụng thuộc Vườn quốc gia U Minh Hạ mang giá trị bảo tồn đa dạng sinh học, các khu vực lân cận rừng U Minh Hạ chủ yếu là rừng sản xuất phục vụ sản xuất kinh tế lâm nghiệp, do đó, diện tích rừng tại Vườn quốc gia U Minh Hạ thực sự là địa điểm tài nguyên có giá trị, mang tính đặc thù của rừng U Minh Hạ, Cà Mau. Vườn quốc gia U Minh Hạ xét ở góc độ quốc gia, đây là điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia; đồng thời cũng là điểm du lịch có ý nghĩa địa phương, tạo nét đặc thù của tỉnh Cà Mau. Do đó, có thể thấy rằng Vườn quốc gia U Minh Hạ là một trong những điểm du lịch rất tiềm năng cần tập trung đầu tư phát triển. Bên cạnh đó, Vườn quốc gia U Minh Hạ được xem như là điểm nhấn ở không gian du lịch phía Tây của tỉnh, là một phần của khu dự trữ sinh quyển, là tài nguyên quý báu của tự nhiên, đồng thời là nơi có thể phát triển du lịch sinh thái hấp dẫn của Cà Mau nói riêng và cả nước nói chung. Ngoài ra, Vườn quốc gia U Minh Hạ có thể kết nối với điểm du lịch như khu du lịch Hòn Đá Bạc, khu lưu niệm nghệ nhân dân gian Nguyễn Long Phi (bác Ba Phi), lễ hội Nghinh Ông, đầm Thị Tường, khu căn cứ Xẻo Đước, Mũi Cà Mau để tạo ra các sản phẩm du lịch như du lịch sinh thái cộng đồng, du lịch tham quan, du lịch văn hóa...

Tuy nhiên, trong những năm qua việc hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí ở Vườn quốc gia U Minh Hạ còn mang tính đơn điệu, quy mô nhỏ, chủ yếu là tạo điều kiện cho khách vào tham quan hệ sinh thái rừng, và thưởng thức các món ăn ẩm thực từ hương vị đặc trưng miền sông nước và rừng U Minh, dịch vụ câu cá, dịch vụ tham quan bằng xuồng. Hệ thống cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế, chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái chưa đảm bảo, đội ngũ cán bộ điều hành quản lý, hướng dẫn viên du lịch sinh thái còn chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách, sản phẩm du lịch và đối tượng thị trường còn chưa rõ nên khả năng thu hút khách du lịch chưa cao.

1.4.1. Hiện trạng về công tác tổ chức quản lý và nguồn nhân lực

Hiện nay, Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030 và nhiệm vụ quy hoạch xây dựng đang trong giai đoạn hoàn chỉnh trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Trên cơ sở chức năng, nhiệm

vụ được giao, Vườn quốc gia U Minh Hạ tự tổ chức du lịch sinh thái, chưa kêu gọi tổ chức, cá nhân vào thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

Về nguồn nhân lực: Tổng số lao động phục vụ cho hoạt động du lịch của vườn là 09 người, trong đó 08 người có trình độ đại học, 01 người có trình độ cao đẳng (chỉ có 03 nhân lực là chuyên về du lịch, còn lại là ngành nghề khác); nguồn nhân lực chưa qua các lớp đào tạo chuyên sâu về du lịch nên chưa đáp ứng được yêu cầu chung cho phát triển du lịch sinh thái trong thời gian tới. Kinh phí cho hoạt động du lịch hàng năm ở Vườn quốc gia U Minh Hạ chỉ ở mức độ tự thu, chi, chưa kêu gọi cho đầu tư xây dựng và phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí.

1.4.2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

- Về hạ tầng giao thông kết nối: Vườn quốc gia U Minh Hạ nằm cách Thành phố Cà Mau khoảng 30 km về phía Tây bắc (Tỉnh Cà Mau). Trên cơ bản, hệ thống giao thông giữa Vườn quốc gia đến các xã đều đã được kết nối thông suốt có tuyến thì lộ nhựa, có tuyến thì lộ bê tông. Trong toàn lâm phần Vườn quốc gia đã đấu nối các tuyến đường nhựa, bê tông như: Tuyến đường nhựa trung tâm; tuyến đường nhựa T₂₁ từ trung tâm về trạm T₂₁; từ Trạm T₂₁ về đến trạm Kinh đứng và từ Trạm Kinh Đứng đến lộ trung tâm T_{1.200}; tuyến đá xô bồ từ Trung tâm T₂₁ đến trạm T₁₉; Tuyến T₉₀ từ trạm T₂₁₋₉₀ đến T₂₇₋₉₀; Tuyến T₂₇ từ T₉₀ đến T₁₀₀; tuyến T₁₀₀ từ T₂₁ đến T₂₇; tuyến T₉₃ từ T₂₁ đến T₂₇; tuyến T₉₆ từ T₂₁ đến T₂₇; tuyến T₂₃ từ T₉₃ đến T₁₀₀; tuyến T₂₅ từ T₉₀ đến T₉₃. Nhìn chung chu vi toàn lâm phần Vườn quốc gia đã được thông suốt.

- Hệ thống thông tin liên lạc: trên toàn lâm phần đều được phủ sóng di động VNPT và Viettel. Ngoài ra còn có một hệ thống bộ đàm nội bộ.

- Hiện trạng cấp thoát nước: Các Đội, chốt trong toàn lâm phần nơi có hệ thống nước sạch sử dụng, có nơi phải khoan nước ngầm để sử dụng.

+ Khu vực hành chính cơ quan hệ thống nước sạch (nước máy và nước giếng khoan);

+ Các Đội sử dụng hệ thống nước giếng khoan đã bố trí đầy đủ ở các Đội.

- Hiện trạng về cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

+ Cơ sở lưu trú cho khách du lịch: Chưa có;

+ Dịch vụ khác (vui chơi, giải trí): các hình thức tham quan chưa có;

+ Kyot bán quà lưu niệm, mua sắm: Hiện chỉ có 01 điểm trưng bày bán sản phẩm OCOOP;

+ Trung tâm giáo dục môi trường và dịch vụ, các trung tâm cứu hộ, bảo tàng chưa được thành lập;

+ Phương tiện vận chuyển cho khách du lịch: Chỉ 03 vỏ lãi và 04 chiếc xuồng bơi phục vụ chở khách du lịch khi đến đây tham quan;

+ Hiện trạng hệ thống cơ sở ăn uống phục vụ khách du lịch: có một căn tin phục vụ các thức ăn đặc sản địa phương.

Tóm lại, cơ sở vật chất phục vụ cho du lịch sinh thái chưa đạt, các hoạt động du lịch chưa đa dạng, chưa có sản phẩm du lịch đặc trưng.

1.4.3. Hiện trạng loại hình và sản phẩm du lịch

- Hiện nay, Vườn quốc gia U Minh Hạ đang trong giai đoạn khởi điểm, hoạt động du lịch sinh thái còn mang tính đơn điệu, quy mô nhỏ. Do đó, hiện trạng loại hình du lịch chủ yếu là tạo điều kiện cho khách vào tham quan hệ sinh thái rừng, và thưởng thức các món ăn ẩm thực từ hương vị đặc trưng miền đồng quê rừng U Minh, dịch vụ câu cá, dịch vụ tham quan bằng xuồng... Các sản phẩm du lịch còn đơn điệu, chưa đa dạng, phong phú chủ yếu là các loại đặc sản vùng U Minh Hạ,... Các loại hình dịch vụ khác như: Du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh, du lịch thể thao – mạo hiểm, du lịch nghiên cứu khoa học, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch khám phá, dịch vụ vui chơi, giải trí vẫn chưa được kết nối đầu tư phát triển.

1.4.4. Hiện trạng các điểm, tuyến và chương trình du lịch

Hiện nay du lịch sinh thái Vườn quốc gia U Minh Hạ chỉ mới là khởi điểm nên quá trình kêu gọi đầu tư phát triển các điểm, tuyến và chương trình du lịch còn sơ khai như: Chỉ một điểm trung tâm nhìn cảnh rừng tràm, tuyến bơi xuồng lên các trảng năng, sừng và tuyến đi thuyền quanh Vườn quốc gia.

Bảng 7. Các điểm, tuyến và chương trình du lịch

TT	Điểm hoặc tuyến/ chương trình du lịch	Khoảng cách từ trung tâm du khách (m)	Khoảng thời gian thăm (phút)	Các hoạt động trải nghiệm	Giá cả (nghìn)	Ghi chú
01	Điểm đài quan sát	2.500	20	Lên đài quan sát cảnh rừng	20.000	Nghe hướng dẫn viên giới thiệu về Vườn quốc gia và rừng U Minh Hạ
02	Tuyến tham quan bằng thuyền (võ) quanh Vườn quốc gia	2.500	45	Đi thuyền máy	400.000	Quan sát một số loài chim, thú
03	Tuyến Bơi xuồng (ba lá) lên các trảng năng, sừng	4.100	45	Trải nghiệm bơi xuồng	200.000	
04	Tuyến câu cá giải trí		Hết ngày	Đi câu cá	300.000	

1.4.5. Đầu tư du lịch

Hiện tại, Vườn quốc gia U Minh Hạ đang trong giai đoạn xây dựng đề án phát triển du lịch sinh thái trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Do đó, việc liên kết kêu gọi đầu tư cho phát triển du lịch sinh thái hiện nay chưa được thực hiện, việc đầu tư du lịch chủ yếu là sửa chữa lại các tuyến đường chính phục vụ các hoạt động du lịch hiện nay như: cho khách du lịch tham quan, câu cá, sửa chữa các thiết bị phục vụ các tour, tuyến du lịch như chạy thuyền (võ), bơi xuồng bằng nguồn kinh phí của đơn vị.

1.4.6. Các bên liên quan và hợp tác trong phát triển du lịch

Hiện nay Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030 đang từng bước hoàn chỉnh để được cấp thẩm quyền phê duyệt. Từ đó mà vẫn chưa kêu gọi các nhà đầu tư liên kết để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí tại đơn vị. Trong thời gian tới, sau khi Đề án được phê duyệt, đơn vị kêu gọi, phối hợp các nhà đầu tư lập dự án đầu tư để phát triển du lịch sinh thái tại đơn vị theo quy định pháp luật: Luật Lâm nghiệp, Luật Đất đai, Luật bảo vệ môi trường, Luật Đầu tư; phù hợp với Đề án du lịch sinh thái đề ra và thực hiện tốt Kế hoạch về phát triển du lịch sinh thái của tỉnh cũng như sự phối hợp quan tâm, hỗ trợ các Sở, Ngành cho các hoạt động trên.

1.4.7. Hiện trạng hoạt động xúc tiến, quảng bá

- Về hình ảnh du lịch: Vườn quốc gia U Minh Hạ được xem là một nơi du lịch kỳ thú, đây được xem như một điểm mạnh mà nhiều địa phương lân cận không có được. Tuy nhiên vẫn chưa phát huy hình ảnh đã có, chưa tạo được những hình ảnh đặc trưng để Vườn quốc gia U Minh Hạ thật sự là điểm đến hấp dẫn trong mắt du khách là hết sức quan trọng;

- Trên trang web của Vườn quốc gia U Minh Hạ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa có nhiều chuyên mục về du lịch nhằm giới thiệu một cách chuyên nghiệp;

- Chưa có những chương trình, hoạt động quảng bá xúc tiến dành cho khách du lịch cần được cập nhật liên tục với những tuyến du lịch được tổ chức vào những thời điểm phù hợp với những kỳ nghỉ, ngày lễ chính trong năm, cùng với giá cả hợp lý đi đôi với chất lượng phục vụ chuyên nghiệp.

- Chưa xây dựng sổ tay giới thiệu về các sản phẩm du lịch sinh thái, tuyến, điểm du lịch sinh thái cũng như bộ bưu ảnh về phong cảnh và tài nguyên đa dạng sinh học của Vườn; Phát hành tờ rơi hướng dẫn du khách tham quan các điểm du lịch sinh thái trong Vườn; Xây dựng và phát hành phim video về du lịch sinh thái của Vườn.

1.4.8. Hiện trạng sự tham gia của cộng đồng

Hiện nay du lịch ở Vườn quốc gia như đã nêu còn nhỏ, lẽ chưa có những đột biến thu hút khách đến du lịch, cũng như nghỉ dưỡng, giải trí mà từ đó cộng đồng địa phương chưa có những tham gia vào những hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí ở Vườn quốc gia.

1.4.9. Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường du lịch

Trong vấn đề này Vườn quốc gia U Minh Hạ thấy được tầm quan trọng của môi trường cho du lịch, đơn vị luôn xây dựng đội ngũ nhân viên phòng chức năng tham gia, đảm bảo an toàn cho du khách trong quá trình đến tham quan, vệ sinh thu gom rác thải sinh hoạt đưa về xử lý theo quy định.

1.4.10. Hiện trạng hoạt động diễn giải thông qua du lịch

Do chưa được đào tạo bài bản nhưng đơn vị cũng xây dựng đội ngũ viên chức phòng du lịch sinh thái và giáo dục môi trường hướng dẫn, giới thiệu cho du khách hiểu về Vườn quốc gia, biết được về thời khai hoang, lịch sử các bậc tiền nhân và lịch sử hào hùng của người dân Cà Mau qua các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở vùng đất Cà Mau nói chung và vùng U Minh Hạ nói riêng.

1.4.11. Kết quả hoạt động kinh doanh

Số liệu thống kê theo dõi, tổng số khách du lịch đến Vườn quốc gia U Minh Hạ có xu hướng tăng qua các năm trong giai đoạn 2016 – 2020. Cụ thể, năm 2015 tổng số khách du lịch đến Vườn quốc gia U Minh Hạ là 16.886 lượt khách, đến năm 2020 là 20.491 lượt khách. Tổng doanh thu du lịch có xu hướng tăng, chủ yếu tăng do doanh thu từ dịch vụ câu cá.

Bảng 8. Thống kê lượt khách, doanh thu DLST Vườn quốc gia U Minh Hạ

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số khách (người)	16.459	20.941	19.776	19.932	20.491
Doanh thu dịch vụ tham quan đi thuyền, bơi xuồng và câu cá (đồng)	164.590.000	435.820.000	923.560.000	1.059.830.000	1.252.780.000
Doanh thu cho thuê căn tin (đồng)	247.020.000	247.020.000	247.020.000	247.020.000	247.020.000
Tổng doanh thu (đồng)	411.610.000	682.840.000	1.170.580.000	1.306.850.000	1.499.800.000

Nguồn số liệu từ phòng Du lịch sinh thái Vườn quốc gia U Minh Hạ

1.4.12. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (phân tích SWOT)

1.4.12.1. Điểm mạnh

- Tính đa dạng về sinh học (thảm thực vật, hệ động vật quý hiếm, hệ sinh thái rừng tràm...), Vườn quốc gia U Minh Hạ hoàn toàn có cơ sở để phát triển những sản phẩm du lịch sinh thái không trùng lặp so với nhiều địa phương khác trong Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Về hình ảnh du lịch: Vườn quốc gia U Minh Hạ được xem là một nơi du lịch kỳ thú, đây được xem như một điểm mạnh mà nhiều địa phương lân cận không có được. Do đó cần duy trì và phát huy hình ảnh đã có và tạo được những

hình ảnh đặc trưng để Vườn quốc gia U Minh Hạ thực sự là điểm đến hấp dẫn trong mắt du khách là hết sức quan trọng.

- Vườn quốc gia U Minh Hạ là vùng căn cứ địa cách mạng có ý nghĩa lịch sử lớn, với dấu ấn làng rừng, đây là một điểm mạnh và là một đặc trưng của Vườn. Do đó, cần phát huy điểm mạnh này.

- Ngoài ra, Vườn quốc gia U Minh Hạ còn có những làng nghề truyền thống rất đặc trưng như gác kèo ong, đan lát, làm mắm, nuôi cá đồng... Và các đặc sản như mật ong rừng, khô, mắm lóc, chuối ép khô... Đây là những tiềm năng để phát triển các sản phẩm du lịch như du lịch văn hóa, du lịch ẩm thực.

- Hệ thống các kênh đan xen trong rừng U Minh Hạ rất thuận tiện để phát triển các tour du lịch đường thủy.

- Hệ thống đường bộ và đường xuyên rừng tạo điều kiện cho rừng U Minh Hạ hình thành các tour du lịch kết hợp đường thủy, đường bộ góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch.

- Hệ thống thông tin liên lạc cơ bản đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho các hoạt động quảng bá, phát triển du lịch trên địa bàn.

1.4.12.2. Điểm yếu

- Lực lượng lao động hoạt động lĩnh vực du lịch còn thiếu và chưa chuyên nghiệp.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch như cơ sở lưu trú, các điểm ăn uống chưa được hình thành.

- Các sản phẩm du lịch chưa đa dạng, chưa khai thác hết tiềm năng tài nguyên thiên nhiên của vườn.

- Mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau) phải tập trung công tác phòng cháy chữa cháy rừng, do đó phần nào cũng ảnh hưởng đến hoạt động du lịch ở Vườn quốc gia.

- Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch tại Vườn quốc gia U Minh Hạ chưa được chú trọng đầu tư.

1.4.12.3. Cơ hội

- Nhu cầu du lịch trên thế giới và khu vực đang ngày một tăng, con người đang thân thiện với thiên nhiên thông qua du lịch sinh thái.

- Mức sống dân cư ngày một tăng, do đó người dân cũng có nhu cầu đi du lịch nhiều hơn.

- Nhu cầu du lịch sinh thái, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch ẩm thực, du lịch khám phá đang có xu hướng phát triển mạnh.

- Tỉnh đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho vườn quốc gia U Minh Hạ phát triển du lịch.

- Hiện nay, các công trình dự án trọng điểm quốc gia như: dự án mở rộng cảng hàng không Cà Mau; dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Cà

Mau – Đất Mũi và cảng Hòn Khoai đang được khởi công xây dựng dự kiến khánh thành vào năm 2028 là cơ hội lớn và điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch tỉnh Cà Mau nói chung và tại Vườn quốc gia U Minh Hạ nói riêng.

1.4.12.4. Thách thức

- Đối mặt với sự cạnh tranh của các khu du lịch một số địa phương có tiềm năng ở trong tỉnh cũng như trong vùng.
- Nguy cơ tác động ảnh hưởng đến môi trường sinh thái khi phát triển du lịch
- Nhận thức của người dân về phát triển du lịch sinh thái còn hạn chế.
- Điều kiện hạ tầng giao thông kết nối chủ yếu là đường bộ, chưa đầu tư các tuyến cao tốc kết nối, việc đi lại tham quan du lịch còn khó khăn; cơ sở hạ tầng cho phát triển du lịch còn nhiều hạn chế; chính sách đầu tư phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng còn nhiều hạn chế, khó khăn, bất cập.

SWOT	Các cơ hội (Opportunities – O)	Các thách thức (Threats – T)
Các điểm mạnh (Strengths – S) S₁ . Tính đa dạng về sinh học. S₂ . Vườn quốc gia U Minh Hạ được xem là một nơi du lịch kỳ thú. S₃ . Vườn quốc gia U Minh Hạ là vùng căn cứ địa cách mạng có ý nghĩa lịch sử lớn. S₄ . Có làng nghề truyền thống rất đặc trưng. S₆ - Hệ thống các kênh đan xen trong rừng.	Tận dụng cơ hội để phát huy điểm mạnh S₁, S₂,S₃,S₄/ O₁,O₂,O₃: Phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch học tập nghiên cứu, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch khám phá để đáp ứng nhu cầu du khách. S₆,S₇ / O₄ - phát triển các tour du lịch kết hợp đường thủy, đường bộ.	Tận dụng điểm mạnh để hạn chế thách thức S₁,S₂,S₃,S₄/ T₁ : Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, tăng cường liên kết, quảng bá và tiếp thị. S₁,S₂,S₃,S₄/ T₂,T₃: Tăng cường bảo vệ phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, nâng cao nhận thức của cộng đồng, giải pháp về quản lý phát triển du lịch sinh thái.

S ₇ - Hệ thống đường bộ và đường xuyên rừng.		
Các điểm yếu (Weaknesses – W) W₁ - Lực lượng lao động hoạt động lĩnh vực du lịch còn thiếu và chưa chuyên nghiệp. W₂ - Cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch như cơ sở lưu trú, các điểm ăn uống chưa hình thành. W₃ - Các sản phẩm du lịch chưa đa dạng, chưa khai thác hết tiềm năng tài nguyên thiên nhiên. W₄ - Mùa khô phải tập trung công tác phòng chống cháy, ảnh hưởng đến hoạt động du lịch ở Vườn quốc gia U Minh Hạ. W₅ - Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch tại Vườn quốc gia U Minh Hạ chưa được chú trọng đầu tư.	Nắm bắt cơ hội để khắc phục điểm yếu W₁,W₃,W₅ /O₁,O₂,O₃: Tăng cường phát triển nguồn nhân lực, đa dạng hóa sản phẩm du lịch. Tăng cường liên kết, quảng bá và tiếp thị. W₂,W₄ / O₄: Tăng cường đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch, cơ chế tài chính phục vụ phát triển du lịch gắn với phát triển bền vững. Tăng cường quản lý phát triển du lịch sinh thái.	Giảm các điểm yếu để ngăn chặn các thách thức W₁,W₂,W₃,W₅/ T₁,T₃: Phát triển nguồn nhân lực tại các đơn vị hoạt động du lịch và tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. Giải pháp đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tăng cường liên kết, xúc tiến quảng bá du lịch. Nâng cao nhận thức cộng đồng về phát triển du lịch sinh thái bền vững. W₄/T₂: Tăng cường bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH CÀ MAU XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 02, đường Hùng Vương, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (0290) 3667.888

Email: banbientap@camau.gov.vn

Website: <https://congbao.camau.gov.vn>